

Phụ lục VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch
Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19.../2025/CBTT-VNSC

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Chứng khoán Vina
 - Mã chứng khoán: Không có
 - Địa chỉ: Phòng 702, tầng 7, toà nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 024.6687.8996 Fax:
 - E-mail:
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2025 tại đường dẫn <https://www.vnsc.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

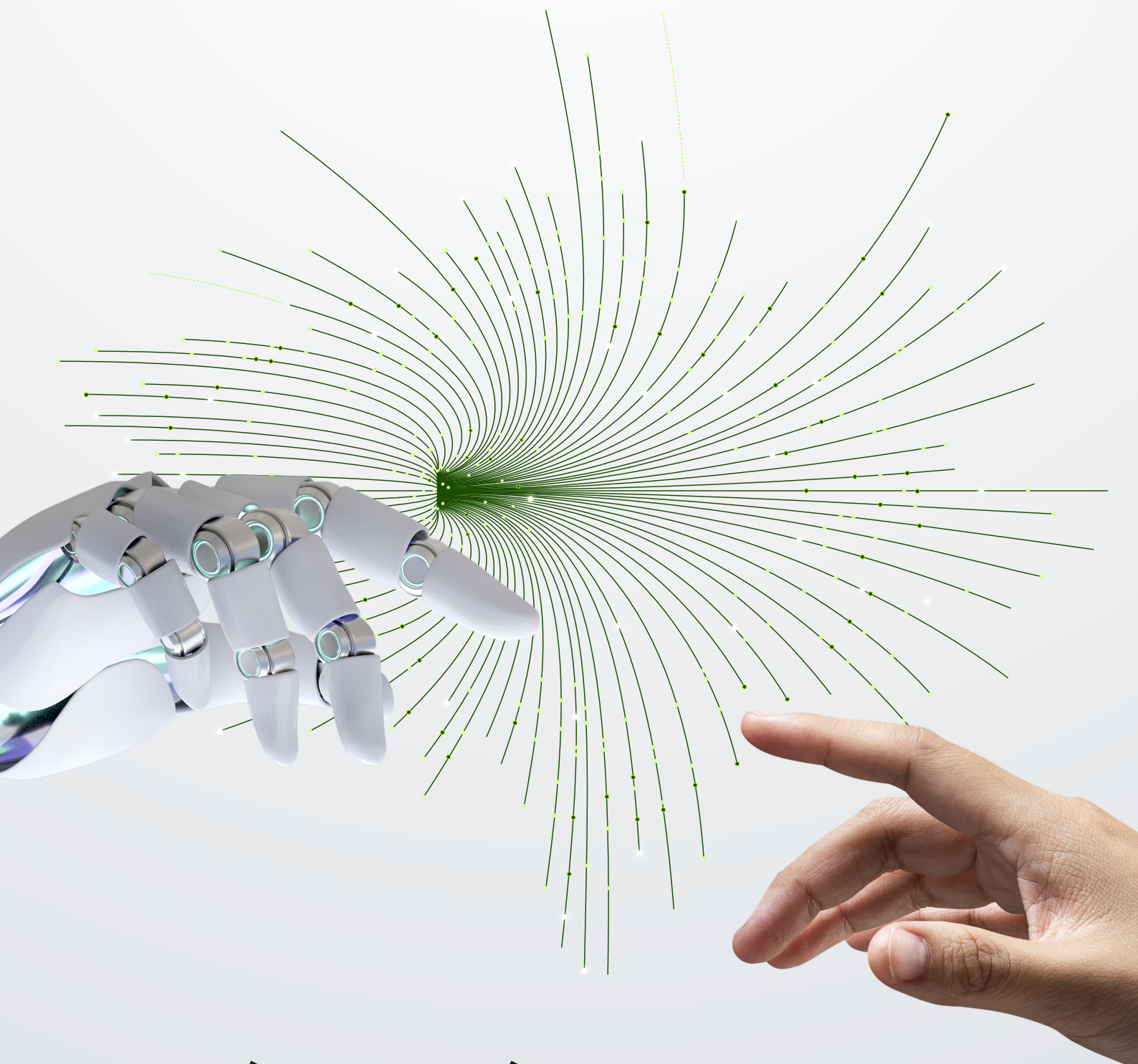
- Báo cáo thường niên năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CBTT



VŨ THỊ THANH VÂN



BÚT PHÁ, VƯƠN XA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thư ngỏ	3
Thông tin khái quát	5
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
Giá trị cốt lõi, tầm nhìn, sứ mệnh của doanh nghiệp	10
Ấn tượng 2024	11

03

THÔNG TIN CHUNG

Định hướng phát triển trung và dài hạn	39
Kế hoạch hành động 2025	41
Định hướng phát triển bền vững	43

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Môi trường kinh doanh	17
Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty	20
Tình hình thực hiện các dự án	22
Tình hình tài chính	22
Kết quả kinh doanh cụ thể	24
Tổ chức và nhân sự	27
Hoạt động về công nghệ	31
Hoạt động phát triển sản phẩm	33
Hoạt động phát triển thương hiệu và đối tác	35

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	47
Tình hình tài chính	48
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	50
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	53
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội (ESG)	54

05

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	61
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	61
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	62

07

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	79
Cơ cấu cổ đông	79
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	79
Giao dịch cổ phiếu quỹ	80
Báo cáo tài chính	80

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	65
Ban Kiểm soát	68
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	70
Hoạt động Quản trị rủi ro	72

08

PHỤ LỤC

82

01

THÔNG TIN CHUNG



THƯ NGỎ

Kính gửi các Cổ đông, Khách hàng và Đối tác,

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đã vượt qua nhiều thách thức và duy trì tăng trưởng tích cực, bất chấp biến động kinh tế toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê, GDP đạt mức tăng trưởng ấn tượng 7,09%, vượt xa con số 5,05% của năm 2023 và mục tiêu 6,5-7% do Quốc hội đề ra, nhờ các chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư.

Với VNSC, 2024 là năm bản lề trong hành trình xây dựng thương hiệu sau khi hoàn tất tái định vị từ giữa năm 2023. Lấy công nghệ làm lợi thế cạnh tranh, mô hình chứng khoán số - không môi giới của VNSC đã ghi dấu ấn mạnh mẽ qua các hoạt động truyền thông thương hiệu của doanh nghiệp.

Chỉ trong một năm, tỉ lệ nhận biết thương hiệu VNSC và nền tảng VNSC by Finhay đạt 16% - con số tích cực cho một thương hiệu mới, đồng thời là động lực để chúng tôi tiếp tục nỗ lực trở thành cái tên quen thuộc với mọi người dùng khi nhắc tới sản phẩm tài chính tại Việt Nam.

Nhờ chiến lược tập trung tăng trưởng dựa trên nền tảng số và triển khai truyền thông thương hiệu một cách hiệu quả, VNSC đã ghi nhận 44.936 tài khoản mở mới, chiếm khoảng 2,2% tổng tài khoản chứng khoán mới trên thị trường Việt Nam trong năm 2024. Dù còn khiêm tốn so với các doanh nghiệp lâu năm, con số này khẳng định tiềm năng của mô hình kinh doanh khi lấy công nghệ, sáng tạo và năng lực cải tiến làm đòn bẩy.

Định hướng chứng khoán số của VNSC không chỉ dừng ở 2024 mà còn là kim chỉ nam cho tương lai, gắn liền với phát triển bền vững và giá trị ESG. Chúng tôi đã số hóa 100% công cụ quản lý, giảm thiểu tiêu thụ giấy và tài nguyên, đồng thời chú trọng trách nhiệm xã hội, đặc biệt trong giáo dục tài chính.

Tại VNSC, chúng tôi đề cao trách nhiệm xã hội, đặc biệt là đối với giáo dục. Năm qua, VNSC tiếp tục hợp tác với các chuyên gia từ công ty quản lý quỹ uy tín để cung cấp kiến thức đầu tư chứng khoán và chứng chỉ quỹ. Chúng tôi cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc hỗ trợ cho sự phát triển tư duy của thế hệ trẻ, khi đã phối hợp cùng trường PTTH Vinschool tổ chức chương trình kiến tập, hướng nghiệp tại trụ sở của VNSC; cùng với đó là sự tham gia tích cực của đội ngũ chuyên gia tài chính của VNSC trong các sự kiện thỉnh giảng, chia sẻ kiến thức tài chính cá nhân tại các trường đại học uy tín như Vin University và Đại học Ngoại Thương.

VNSC giờ đây được biết đến như một công ty chứng khoán tiên phong ứng dụng AI, phục vụ khách hàng hiệu quả hơn trong giao dịch và phân tích. Nền tảng VNSC by Finhay đã được vinh danh tại Asian Technology Excellence Awards 2024 nhờ ứng dụng AI xuất sắc, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp nhận được sự công nhận quốc tế.

Chúng tôi cũng tự hào khi được VSDC trao danh hiệu “Đại lý phân phối - Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024”, với hơn 30 chứng chỉ quỹ từ 10 đối tác quản lý quỹ uy tín.

Bước vào năm 2025, với nền tảng vững chắc và sự đồng hành của Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác, VNSC tự tin hướng tới mục tiêu phát triển vượt bậc, song hành cùng đà tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo cam kết tập trung vào công nghệ, đặt khách hàng làm trung tâm, để trở thành một trong những công ty chứng khoán số hàng đầu thị trường. Sự tin tưởng của Quý vị là động lực để VNSC tiếp tục hiện thực hoá sứ mệnh giúp hàng triệu người Việt Nam tiếp cận sản phẩm tài chính chuyên nghiệp, gia tăng tài sản một cách thông minh và hiệu quả.



“Chúng tôi đã số hóa 100% công cụ quản lý, giảm thiểu tiêu thụ giấy và tài nguyên, đồng thời chú trọng trách nhiệm xã hội, đặc biệt trong giáo dục tài chính.”

NGHIÊM XUÂN HUY
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám Đốc

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

Giấy phép hoạt động số:

50/UBCK-GPHĐKD

Đơn vị cấp:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngày cấp:

29 tháng 12 năm 2006

Địa chỉ văn phòng:

**Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building,
số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**

Website:

www.vnsc.vn

Điện thoại:

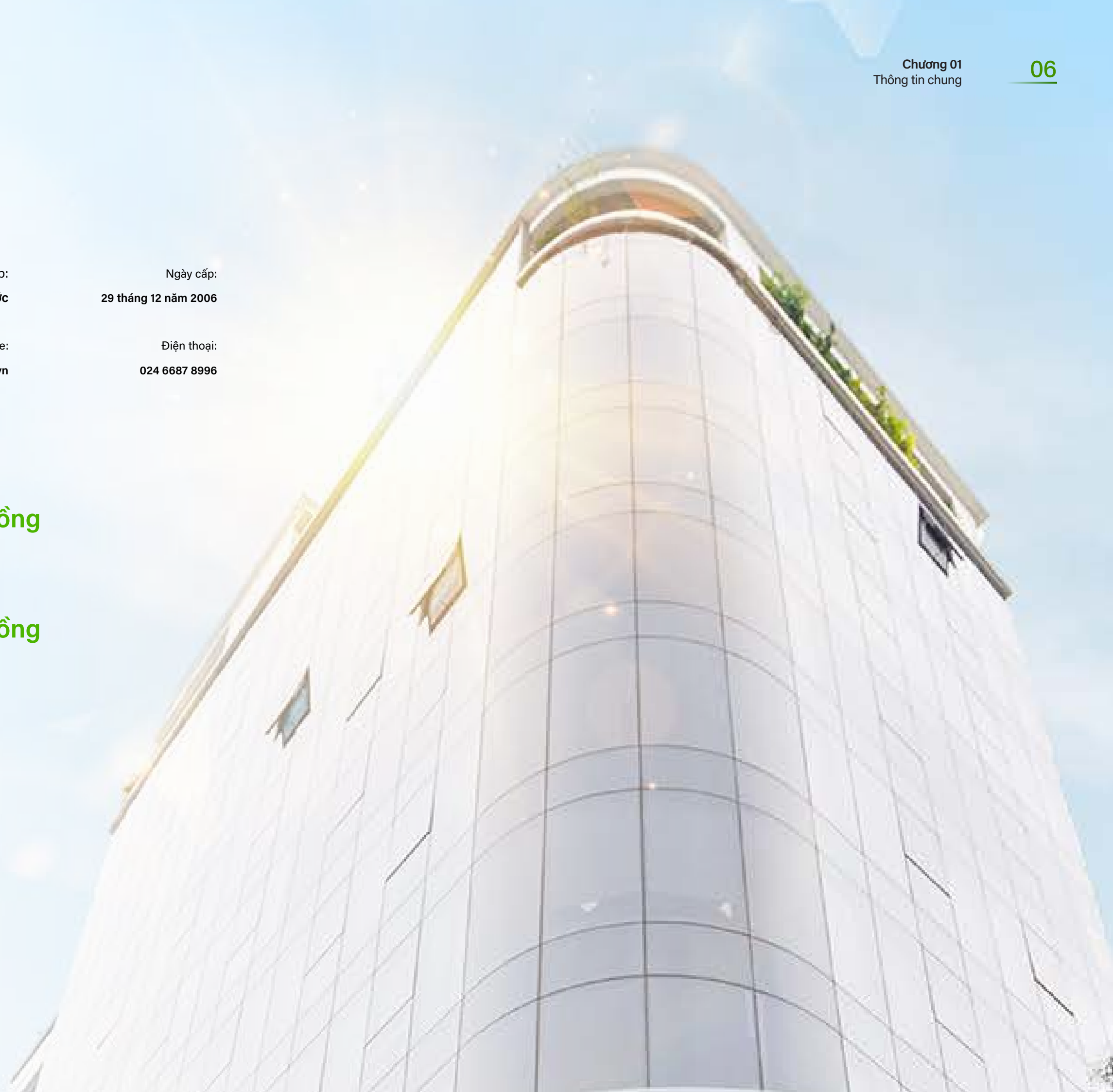
024 6687 8996

Vốn điều lệ:

558,599,980,000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

558,599,980,000 đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

12/2006

Công ty cổ phần Chứng khoán Vina (VNSC) được cấp giấy phép thành lập và hoạt động với vốn điều lệ 45 tỷ đồng, địa chỉ trụ sở chính tại số 4, đường Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

2009

03/2009

Chấp thuận rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng

2010

04/2010

Vina Capital chính thức trở thành cổ đông lớn của VNSC

10/2010

Tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng

Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital

2012

07/2012

Chuyển trụ sở công ty về số 120, đường Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

2019-2021

03/2019

Chuyển đổi toàn bộ cơ cấu cổ đông sang 100% vốn nước ngoài

12/2019

Tăng vốn điều lệ lên 273.6 tỷ đồng

09/2021

Nhận quyết định đình chỉ hoạt động

12/2021

Finhay chính thức trở thành cổ đông lớn của VNSC

2022

01/2022

Tăng vốn điều lệ lên 358.6 tỷ đồng

06/2022

Nhận quyết định chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động Chấp thuận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán

07/2022

VNSC chuyển trụ sở công ty về tầng 7, toà nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội

08/2022

Chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Thành Phố Hồ Chí Minh
Chấp thuận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng

2022

09/2022

Chấp thuận tư cách thành viên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

10/2022

Tăng vốn điều lệ lên 558.6 tỷ đồng

12/2022

Chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán và giao dịch ký quỹ

2023-2024

02/2023

Chấp thuận đăng ký bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành

Chấp thuận thành viên Giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

03/2023

Chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến

11/2023

Chấp thuận thành viên giao dịch Trái phiếu riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

03/2024

Chấp thuận sửa đổi Quyết định thành lập Văn phòng Đại diện, thay đổi địa chỉ Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh

04/2024

Chấp thuận thành lập Phòng giao dịch tại Thành phố Hà Nội

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- ✔ Môi giới chứng khoán
- ✔ Tự doanh chứng khoán
- ✔ Tư vấn đầu tư chứng khoán
- ✔ Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính

Tầng 7, toà nhà Capital Building,
số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Văn phòng đại diện:

Tầng 6A, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần,
phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Phòng Giao dịch

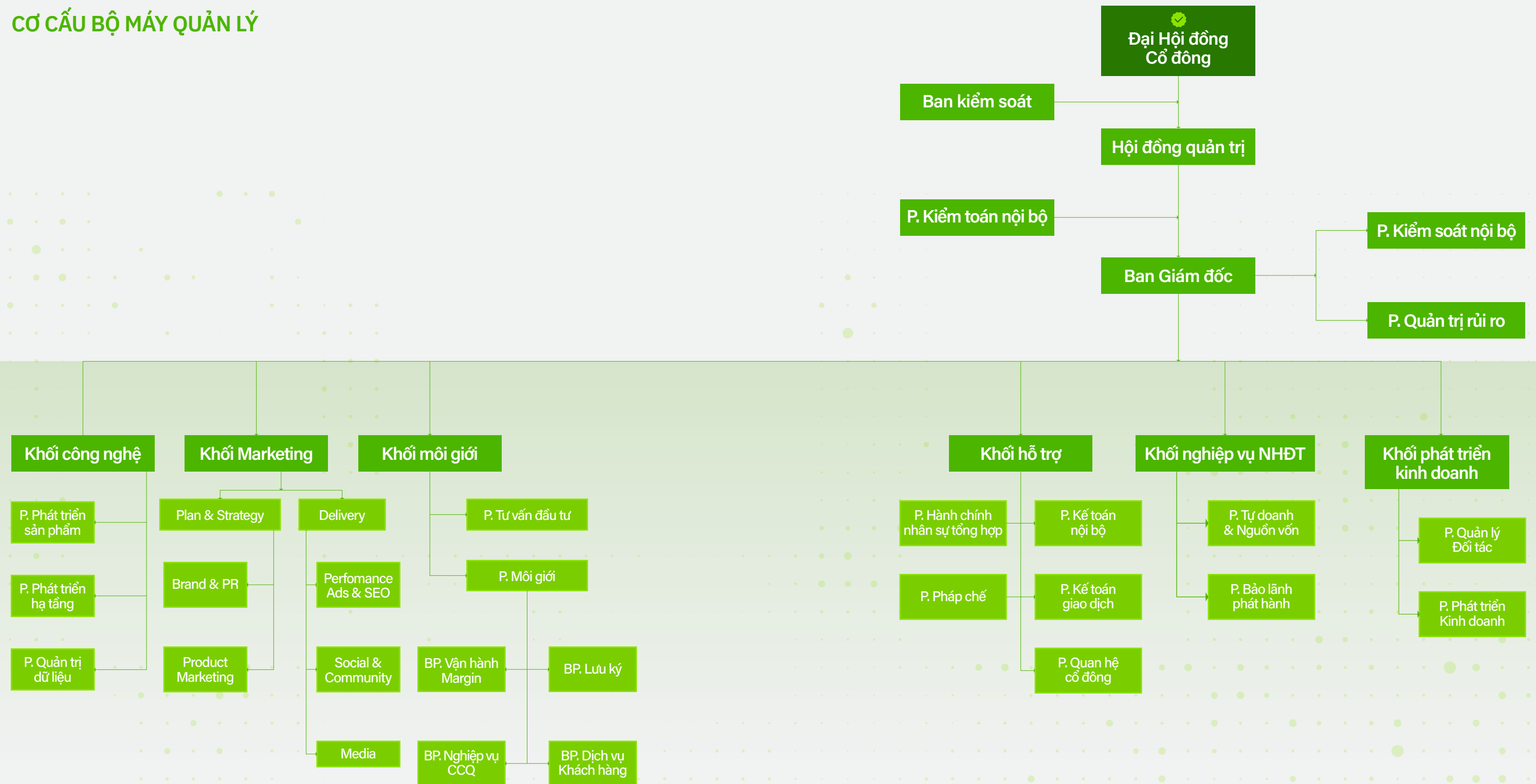
Tầng 1, 8 Tòa nhà Capital Building,
số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã,
quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TẦM NHÌN, SỨ MỆNH CỦA DOANH NGHIỆP

Với mục tiêu trở thành một trong mười công ty chứng khoán lớn nhất thị trường, cung cấp nền tảng Tích lũy và đầu tư phổ biến nhất Việt Nam, đội ngũ VNSC không ngừng nghiên cứu, cải tiến và sáng tạo công nghệ, để mang đến các giải pháp giúp nhà đầu tư quản lý, vận hành và sử dụng những sản phẩm tài chính một cách dễ dàng, đơn giản và thuận tiện.

Đối với một doanh nghiệp tài chính có quy mô, tăng trưởng tốt và năng động như VNSC, điều quan trọng là phải luôn giữ được những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp trong vận hành, xây dựng hình ảnh cũng như tinh thần và thái độ làm việc của mọi nhân sự trong công ty. Đó chính là:

Nhiệt huyết

Luôn đồng hành, tìm giải pháp để đáp ứng nhu cầu và tháo gỡ vướng mắc, mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.

Đổi mới sáng tạo

Liên tục nghiên cứu, cập nhật và cải tiến với tư duy đổi mới để đưa ra các giải pháp hữu ích dựa trên nền tảng công nghệ, giúp khách hàng tối ưu nguồn lực, thời gian, chi phí và hiệu quả trong đầu tư và tích lũy tài chính.

Đáng tin cậy

Chú trọng tuyệt đối tới uy tín, minh bạch và tính bảo mật để luôn bảo vệ lợi ích của khách hàng cũng như các đối tác.

ẤN TƯỢNG 2024

Chứng khoán Vina trở thành “Đại lý phân phối - Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024”

Tại Hội nghị Tổng kết hoạt động cung cấp dịch vụ Quỹ năm 2024, Công ty CP Chứng khoán Vina (VNSC) đã được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) vinh danh là “Đại lý phân phối - Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024”.

Trong năm 2024, VNSC đã phân phối hơn 30 chứng chỉ quỹ từ hơn 10 công ty quản lý quỹ uy tín, điều này giúp nền tảng VNSC by Finhay do VNSC quản lý trở thành nền tảng phân phối đa dạng chứng chỉ quỹ nhất trên thị trường.

Ngoài việc phân phối từng chứng chỉ quỹ riêng lẻ, với mong muốn đơn giản hoá sản phẩm chứng chỉ quỹ và tối ưu hoá lợi nhuận cho nhà đầu tư, VNSC đã triển khai các Danh mục đầu tư Chứng chỉ quỹ theo linh vật, đáp ứng đa dạng mục tiêu lợi nhuận và khẩu vị rủi ro từ thấp đến cao cho nhà đầu tư dễ dàng lựa chọn.

Mặc dù mới chỉ bắt đầu mở rộng và gia tăng số lượng quỹ mở trên nền tảng VNSC by Finhay, doanh số từ việc phân phối chứng chỉ quỹ trong cả năm 2024 ghi nhận đạt hơn **110 tỷ đồng**.

VNSC by Finhay năm thứ 2 liên tiếp được vinh danh quốc tế về ứng dụng AI trong lĩnh vực chứng khoán

Nền tảng Tích lũy và Đầu tư VNSC by Finhay - được vận hành bởi Công ty Chứng khoán Vina (VNSC) đã được vinh danh tại giải thưởng Asian Technology Excellence Awards 2024 (Giải thưởng Công nghệ Xuất Sắc Châu Á 2024) nhờ năng lực ứng dụng AI trong lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Trước đó, vào năm 2023, VNSC by Finhay đã trở thành đại diện duy nhất từ Việt Nam đạt giải tại hạng mục “Nền tảng đầu tư ứng dụng công nghệ AI/ML sáng tạo nhất” của Giải thưởng IBSi Global FinTech Innovation Awards 2023. Việc liên tiếp được các tổ chức quốc tế ghi nhận trong 2 năm liền đã khẳng định vị thế tiên phong của VNSC by Finhay trong ứng dụng công nghệ AI, mang lại trải nghiệm tốt hơn và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư cho người dùng. Điều này cũng tạo động lực quan trọng giúp VNSC thúc đẩy hành trình số hóa trải nghiệm đầu tư mà công ty đang hướng đến.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

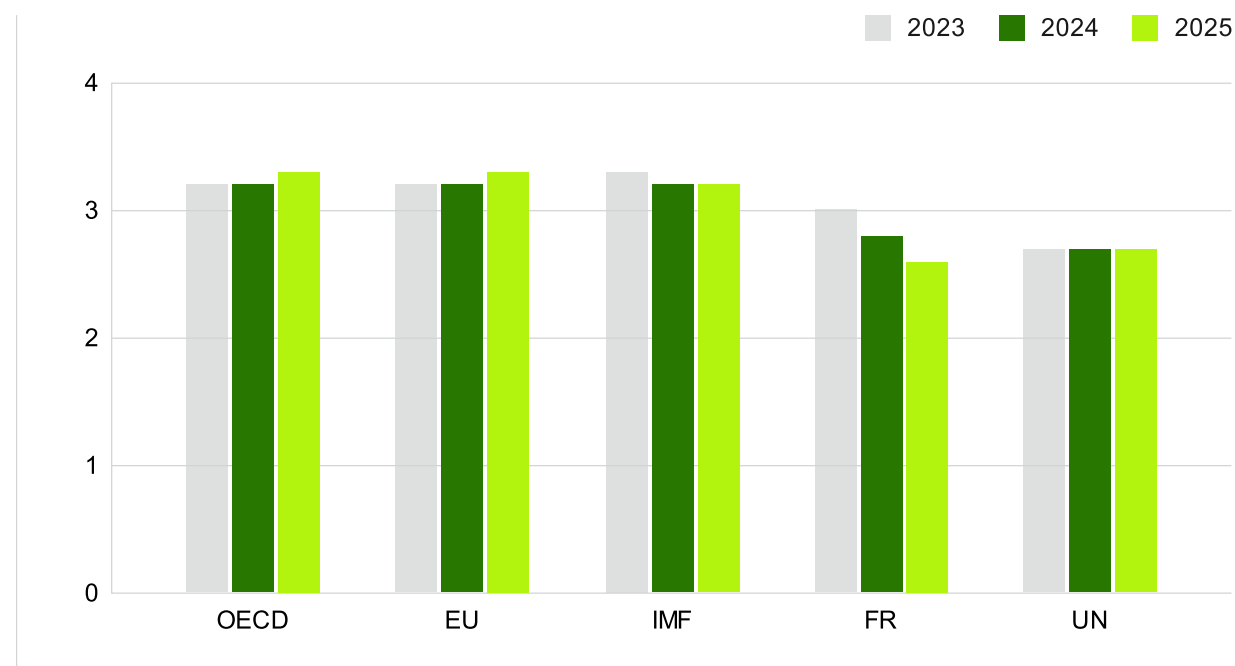


MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1.1. Tình hình chung của thị trường

1.1.1 Kinh tế vĩ mô toàn cầu

Năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức từ việc duy trì tăng trưởng đến nguy cơ lạm phát gia tăng trở lại. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu ước đạt 3.2% (Nguồn: IMF), trong bối cảnh nhiều nền kinh tế lớn điều chỉnh chính sách tiền tệ để kiểm chế lạm phát.



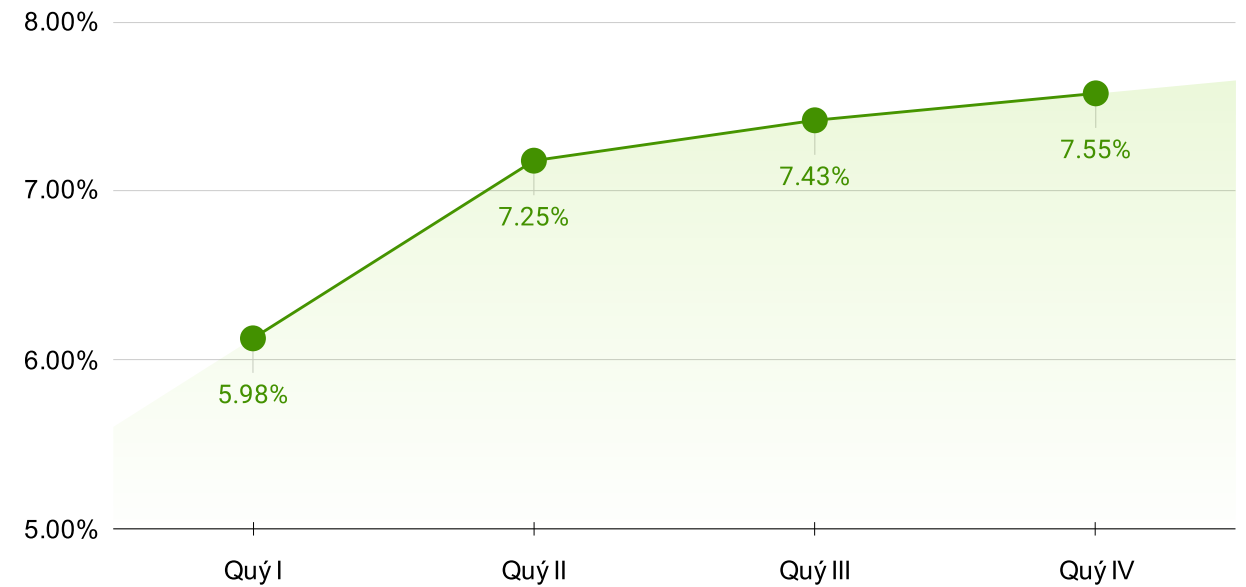
Nguồn: OECD, EU, IMF, FR và UN

Lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhờ chính sách điều hành linh hoạt từ các ngân hàng trung ương. Kinh tế toàn cầu vẫn duy trì tính linh hoạt nhất định trong quá trình giảm lạm phát.

Một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu là căng thẳng địa chính trị kéo dài, tác động đến giá năng lượng và chuỗi cung ứng. Trong khi đó, xu hướng chuyển dịch sản xuất tạo ra sự trở dậy rõ rệt của các nền kinh tế mới nổi tại Đông Nam Á.

1.1.2 Kinh tế Việt Nam

Bất chấp những tác động từ bên ngoài, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực. Theo số liệu về tình hình kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê cho thấy, GDP năm 2024 ước tăng 7.09%, vượt mức 5.05% của năm 2023. Mức tăng này được hỗ trợ bởi các chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt, giúp kích thích tiêu dùng và đầu tư.



Nguồn: Tổng cục thống kê(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phát triển ổn định. Kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cao, chăn nuôi ổn định, nuôi trồng thủy sản tăng khá do ứng dụng mô hình công nghệ cao đã mang lại hiệu quả kinh tế.

Ngành công nghiệp năm 2024 phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 8.4%, cao nhất từ 2020, đóng góp đáng kể từ các ngành dệt may, điện tử, chế biến gỗ và cao su. Chỉ số cân bằng chung phản ánh xu hướng kinh doanh tích cực, với 38% doanh nghiệp đánh giá hoạt động tốt hơn so với quý trước.

Thương mại, dịch vụ duy trì tăng trưởng ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV tăng 9.3% - cao nhất năm. Ngành vận tải hành khách và hàng hóa cũng tăng mạnh.

Du lịch tiếp tục là điểm sáng, với 176 triệu lượt khách quốc tế trong năm, tăng 39.5% so với 2023. Đầu tư phát triển sôi động, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 7.5%, đạt mức cao kỷ lục 3,692.1 nghìn tỷ đồng. Đầu tư nước ngoài đạt 25.35 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, với số dự án tăng mạnh.

Xuất nhập khẩu đạt 786.29 tỷ USD, tăng 15.4%, xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng mạnh, giúp cán cân thương mại xuất siêu 24.77 tỷ USD.

Lạm phát được kiểm soát ở mức 3.63%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

Lao động có việc làm tăng, thu nhập bình quân đạt 7.7 triệu đồng/tháng, công tác an sinh xã hội được quan tâm với nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả.

1.1.3 Thị trường chứng khoán

Thị trường cổ phiếu

VN-Index dao động quanh 1,250 điểm cuối năm, phản ánh tâm lý tích cực từ nhà đầu tư trong nước. Thanh khoản cải thiện với giá trị giao dịch bình quân đạt 28.8 nghìn tỷ đồng/phần.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Theo số liệu tại báo cáo của FiinPro-X Platform, tổng giá trị phát hành đạt 473.6 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, với ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn và mức tăng đột biến.

Cùng với các đợt phát hành mới, thị trường thứ cấp cũng ghi nhận sự sôi động với tổng giá trị giao dịch trái phiếu doanh nghiệp đạt 1.182 nghìn tỷ đồng, gấp 4 lần so với năm 2023. Hoạt động giao dịch chủ yếu diễn ra ở nhóm trái phiếu ngân hàng và bất động sản, với kỳ hạn phổ biến từ 1-3 năm.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro được tăng cường, đảm bảo tính minh bạch và ổn định của thị trường.

Thị trường phái sinh

Giao dịch trên thị trường phái sinh gia tăng mạnh, với khối lượng hợp đồng trung bình tăng 25%. Sự phát triển của các sản phẩm phái sinh mới giúp nhà đầu tư có thêm lựa chọn phòng ngừa rủi ro.

Các chính sách, quy định mới

Thông tư 68: Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, chính thức bỏ yêu cầu ký quỹ trước (Non Pre-funding) cho nhà đầu tư nước ngoài, tạo thuận lợi cho giao dịch chứng khoán. Luật Chứng khoán sửa đổi: Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung quy định về phát hành chứng khoán, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả thị trường

Tiến trình nâng hạng thị trường

Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng tiêu chuẩn nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi.

Các cơ quan chức năng phối hợp với tổ chức quốc tế để hoàn thiện cơ chế giao dịch, nâng cao tính minh bạch và thu hút dòng vốn ngoại.

Hệ thống KRX đang gấp rút hoàn tất các bước cuối cùng, chuẩn bị cho việc triển khai vào năm 2025

1.2 Động lực tăng trưởng 2025

1.2.1 Thuận lợi

Kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng bền vững:

Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng trưởng, duy trì ổn định tài chính và kiểm soát lạm phát, thị trường chứng khoán tiếp tục khẳng định vai trò kênh dẫn vốn quan trọng của nền kinh tế, doanh nghiệp.

Xuất khẩu, đầu tư nước ngoài khởi sắc: Việt Nam hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hệ thống giao dịch mới nâng cao trải nghiệm nhà đầu tư: Hệ thống KRX tạo điều kiện cho các giao dịch nhanh hơn, minh bạch hơn, giúp thị trường thu hút nhiều dòng tiền hơn.

Tiêu dùng nội địa phục hồi mạnh: Tăng trưởng thu nhập và sự phục hồi của các ngành du lịch, bán lẻ đóng góp đáng kể vào GDP.

1.2.2 Thách thức

Biến động kinh tế thế giới: Những rủi ro từ việc suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư vào Việt Nam.

Tác động từ chính sách lãi suất, tỷ giá: Việc điều chỉnh chính sách của các ngân hàng trung ương có thể tạo ra biến động trên thị trường tài chính.

Yêu cầu chất lượng cao hơn với doanh nghiệp niêm yết: Cải cách thị trường tài chính đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị, minh bạch thông tin để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm
DOANH THU HOẠT ĐỘNG	23,890,479,044	49,377,884,909	106.68%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	12,458,860,415	17,136,587,147	37.55%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7,073,256,381	485,770,913	-93.13%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1,697,590,366	13,484,930,432	694.36%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2,585,344,790	7,578,721,743	193.14%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	9,881,818,182	100.00%
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	128,799,000	100.00%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	75,327,092	235,763,207	212.99%
Thu nhập hoạt động khác	100,000	445,494,285	445,394.29%

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	10,776,730,901	37,392,878,503	246.98%
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	158,665,000	1,006,145,198	534.13%
Chi phí hoạt động tự doanh	24,130,000	45,753,628	89.61%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10,518,769,327	27,093,963,483	157.58%
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	0	8,872,727,273	100.00%
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	0	133,783,615	100.00%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	75,166,574	240,505,306	219.96%
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	60,635,322	33,277,416	-45.12%
CHI PHÍ TÀI CHÍNH		1,718,534,241	100.00%
CHI PHÍ BÁN HÀNG	151,248,418		-100.00%
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	10,517,602,367	32,473,022,489	208.75%
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	10,248	2,677,489	26,026.94%
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	2,505,542,928	(22,170,595,419)	-984.86%
CHI PHÍ THUẾ TNDN	-	(56,773,985)	100.00%
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	2,505,542,928	(22,113,821,434)	-982.60%
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	45	(397)	-982.22%

(Đơn vị tính: đồng)

Kết thúc năm 2024 một năm nhiều thăng trầm của thị trường chứng khoán, VNSC ghi nhận những kết quả doanh thu và lợi nhuận với nhiều sự biến động:

- Doanh thu hoạt động tăng **106.68%**, đặc biệt nhờ môi giới chứng khoán **(+193.14%)** và cho vay ký quỹ **(+694.36%)**, phản ánh tiềm năng lớn của mảng nghiệp vụ này khi thị trường chứng khoán hồi phục.
- Lãi từ tài sản tài chính tăng **37.55%**, cho thấy trong năm 2024, công ty đã có những hoạt động đầu tư hiệu quả.
- Các mảng mới như bảo lãnh phát hành và tư vấn đầu tư bắt đầu có đóng góp, thể hiện chiến lược đa dạng hóa nguồn thu.



3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn	Không có
Các công ty con, công ty liên kết	Không có

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	302,706,900,504	339,734,388,099	12.23%
Doanh thu	23,951,114,366	49,411,162,325	106.30%
Thuế và các khoản phải nộp	2,653,877,856	9,855,454,436	271.36%
Lợi nhuận trước thuế	2,505,542,928	-22,170,595,419	-984.86%
Lợi nhuận sau thuế	2,505,542,928	-22,113,821,434	-982.22%

(Đơn vị tính: đồng)

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH⁽¹⁾

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	80.88	4.78	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	80.88	4.78	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.0104	0.1834	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.0105	0.2246	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.0798	0.1538	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.1046	-0.4476	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0084	-0.0797	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0083	-0.0651	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.5475	-0.2425	

(Đơn vị tính: đồng)

Các chỉ tiêu tài chính khác

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	558,599,980,000	558,599,980,000	
Tổng tài sản có	299,549,296,089	277,435,474,655	
Tỷ lệ an toàn vốn	360.8%	332%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh số cho vay	1,697,590,366	13,484,930,432	
Nợ quá hạn	0	0	
Nợ khó đòi	0	0	
Hệ số sử dụng vốn	1	1	
Tỷ lệ nợ quá hạn	0	0	
Tỷ lệ nợ khó đòi	0	0	
3. Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay	80.88	4.78	
Khả năng thanh toán chung	80.88	4.78	

5. KẾT QUẢ KINH DOANH CỤ THỂ

5.1. Hoạt động Môi giới chứng khoán

- Doanh thu hoạt động Môi giới chứng khoán tăng 193,14%, cho thấy công ty đang thu hút mạnh nhà đầu tư trong nước và bước đầu tiếp cận được với nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh thị trường sôi động.
- Cụ thể: Năm 2024 ghi nhận 47,864 tài khoản mở mới, trong đó có 47,857 tài khoản NĐT trong nước và 7 NĐT nước ngoài
- Tiềm năng: Nếu xu hướng tăng tiếp diễn, công ty có thể duy trì đà tăng trưởng

5.2. Hoạt động Phân phối chứng chỉ quỹ

Dù mới tham gia thị trường, VNSC đã phân phối 30 chứng chỉ quỹ từ 10 công ty quản lý quỹ chỉ trong năm 2024. Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 8,6 triệu đơn vị, tương đương 171 tỷ đồng, cho thấy mức độ chấp nhận nhanh chóng từ nhà đầu tư.

Những con số này phản ánh xu hướng đầu tư vào quỹ ngày càng gia tăng và cho thấy dư địa phát triển rất lớn của VNSC trong lĩnh vực này. Với chiến lược mở rộng hệ thống phân phối và nâng cao nhận diện thương hiệu, VNSC có thể nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần lớn hơn. Đồng thời, công ty cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường vốn, hỗ trợ các công ty quản lý quỹ trong việc huy động vốn, phổ biến xu hướng đầu tư dài hạn và giúp nhà đầu tư cá nhân tiếp cận dễ dàng hơn với các sản phẩm tài chính hiện đại.



5.3. Hoạt động cho vay ký quỹ (margin)

Hoạt động cho vay ký quỹ (margin) của VNSC tăng trưởng 694.36% trong năm 2024, phản ánh nhu cầu vay vốn của nhà đầu tư tăng mạnh khi thị trường chứng khoán sôi động. Mức tăng trưởng ấn tượng này cho thấy VNSC đã mở rộng đáng kể quy mô hoạt động margin, đồng thời khẳng định khả năng cạnh tranh trong mảng dịch vụ tài chính quan trọng này.

5.4. Hoạt động tự doanh:

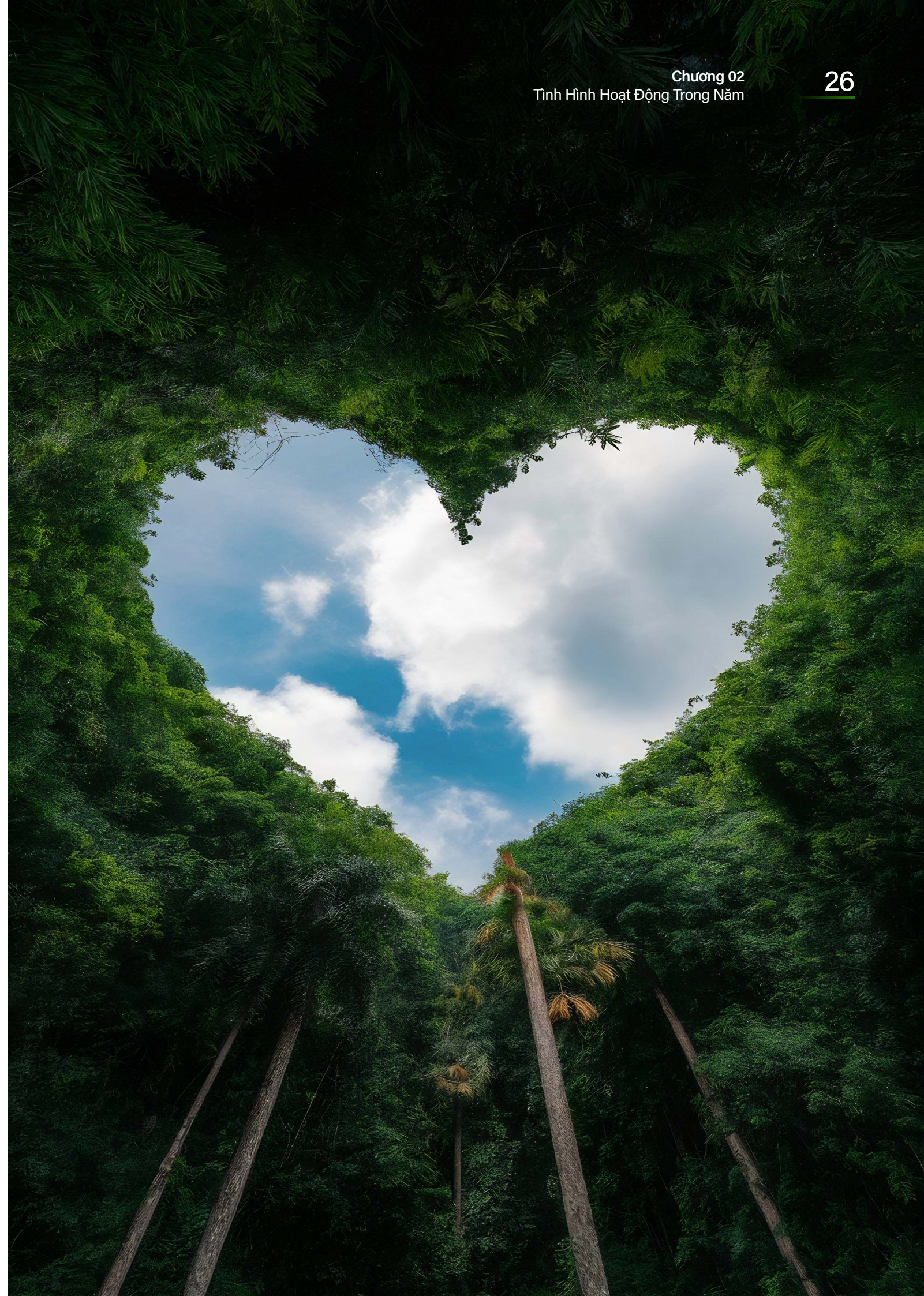
Lãi từ tài sản tài chính tăng 37,55% cho thấy VNSC đã tận dụng tốt cơ hội đầu tư khi thị trường chứng khoán phục hồi mạnh mẽ. Kết quả này phản ánh khả năng phân tích thị trường và lựa chọn danh mục đầu tư hiệu quả, giúp công ty gia tăng lợi nhuận từ hoạt động tự doanh.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán có điểm khởi sắc, VNSC đã tận dụng tốt nhiều cơ hội đầu tư, cụ thể là trái phiếu phiếu và các sản phẩm tài chính khác. Tận dụng tốt xu hướng này sẽ giúp công ty tối ưu hóa nguồn vốn, gia tăng lợi nhuận bền vững.

5.5. Hoạt động khác

Việc phát sinh thêm doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán với tổng giá trị hơn 10 tỷ đồng trong năm 2024 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của VNSC. Đây là dấu hiệu cho thấy công ty không chỉ tập trung vào các mảng truyền thống như môi giới hay tự doanh mà còn từng bước mở rộng sang các dịch vụ tài chính cao cấp hơn, tận dụng xu hướng doanh nghiệp huy động vốn qua thị trường chứng khoán ngày càng gia tăng.

Hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp niêm yết và phát hành chứng khoán, giúp VNSC tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng vốn cho nền kinh tế. Trong khi đó, doanh thu từ tư vấn đầu tư chứng khoán cho thấy công ty đã và đang xây dựng được uy tín với khách hàng, cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên sâu giúp nhà đầu tư tối ưu hóa chiến lược đầu tư.



6. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ông

Nguyễn Xuân Huy | Tổng Giám đốc

Năm sinh	1991	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn	Cử nhân Quản trị kinh doanh	
Kinh nghiệm công tác	2013 - 2016: SealedTech Pty Ltd - Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Giám Đốc 2016 - 2017: AMP Limited - Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng - Tư vấn viên 2017 - 2024: Công ty CP Finhay Việt Nam - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc 2024 - nay: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	

Chức vụ tại các tổ chức khác

Không

Số lượng cổ phần nắm giữ

136,800 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ

0.25%



Bà

Bà Trần Thị Lan Anh | Kế toán trưởng

Năm sinh	1990	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán CPA Việt Nam	
Kinh nghiệm công tác	2012-2019: Công ty TNHH AIC Việt Nam. Vị trí: Chuyên viên tư vấn kế toán thuế 2020-2022: Công ty Cổ phần phát triển đô thị Quốc Tế Việt Nam. Vị trí: Phó phòng kế toán 2023 - Nay: Công ty cổ phần chứng khoán Vina. Vị trí: Kế toán trưởng	

Chức vụ tại các tổ chức khác

Không

Số lượng cổ phần nắm giữ

0 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ

0%

Những thay đổi trong ban điều hành:

Có. Thay đổi người nắm giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ông Na Sungsoo sang ông Nghiêm Xuân Huy từ ngày 18/11/2024

Số lượng cán bộ nhân viên

Với hơn 86 nhân sự làm việc tại các phòng ban: 36% nam, 64% nữ

Chính sách đối với người lao động

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc đã được Tổng Giám đốc và HĐQT quy định.

Thực hiện đóng BHXH, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước.

Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động.

Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ lao động

Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2024 là: 23.018.110 đồng/người/tháng.

Thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu theo giờ hành chính.

Chính sách lương, thưởng của Công ty theo các quy định hiện hành.

Bố trí về lao động

Sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, xác định lại chức năng quản lý.

Xây dựng chỉ tiêu công việc cho nhân viên từng phòng ban, chuyển đổi một số lực lượng lao động từ phòng ban này sang phòng ban khác trong cùng một Khối để hỗ trợ nhau rộng hơn các mảng công việc chuyên môn.

Tuyển dụng lao động

Ưu tiên tuyển dụng nhân viên dày dặn kinh nghiệm, có chuyên môn cao đã đào tạo vào làm việc được ngay, trường hợp không thể tuyển được nhân sự có kinh nghiệm, công ty sẽ có những biện pháp bổ sung thay thế bằng việc xây dựng các chương trình thực tập sinh và tăng cường đào tạo nội bộ để nâng cao trình độ nhân viên hiện tại và đào tạo cán bộ nguồn.

Định hướng phát triển năng lực quản trị và đội ngũ nhân sự

Xác định “Nhân tài” là nguồn năng lượng lớn nhất thúc đẩy sự phát triển, VNSC đang từng bước bổ sung vào hàng ngũ của mình đội ngũ lãnh đạo, nhân viên trẻ tài năng, giàu tâm huyết, sức sáng tạo và đam mê. VNSC đang tập trung thiết lập môi trường làm việc lý tưởng, thành lập hệ thống quy trình mang tính tinh gọn và chuẩn hóa, nâng cao trình độ nhân sự trong bộ máy hoạt động của công ty.

Mục tiêu của VNSC là đem tài năng của cá nhân đóng góp vào sự phát triển của công ty với ý nghĩa không đơn thuần chỉ đem lại lợi ích cho Công ty mà còn đem lại những dịch vụ tốt nhất, chất lượng nhất đến khách hàng.

VNSC thực hiện chiến lược xây dựng thương hiệu tuyển dụng giúp thu hút và tìm kiếm nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo về kỹ năng, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ; được kỳ vọng đáp ứng yêu cầu công việc và phù hợp văn hoá doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hình ảnh về một thương hiệu tuyển dụng chuyên nghiệp, uy tín và truyền tải được những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp tới các ứng viên cũng là một nhiệm vụ quan trọng của VNSC trong năm 2024. Nhằm phát triển văn hóa trong nội bộ doanh nghiệp, VNSC thường xuyên tổ chức các sự kiện, hoạt động gắn kết và lan tỏa tinh thần tích cực sáng tạo trong công việc. Các hoạt động truyền thông nội bộ tại VNSC được xây dựng dựa trên cơ sở lắng nghe nhân sự và phù hợp với những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.

VNSC cũng đẩy mạnh triển khai các hoạt động nhằm khích lệ sự sáng tạo trong công việc của từng nhân sự với nhiều cuộc thi, sự kiện định hướng hàng tuần nhằm tìm kiếm ý tưởng mang tính cải tiến và có tính ứng dụng cao. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng mềm cho nhân sự cũng được công ty rất chú trọng bằng việc tổ chức thường xuyên các khóa học dành cho cấp quản lý và các hoạt động đào tạo nội bộ khác như nâng cao nghiệp vụ hay kỹ năng mềm ứng dụng trong công việc hàng ngày.

7. HOẠT ĐỘNG VỀ CÔNG NGHỆ

Năm 2024, VNSC đã có những bước tiến vượt bậc trong việc ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động, trải nghiệm khách hàng và đảm bảo an toàn thông tin. Những hoạt động công nghệ đáng chú ý của VNSC trong năm 2024 bao gồm:

7.1. Chuẩn hóa dữ liệu nhà đầu tư:

Đây là một bước đi quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động phân tích, quản lý và chăm sóc khách hàng. Việc chuẩn hóa dữ liệu giúp VNSC:

- Nâng cao hiệu quả phân tích: Dữ liệu được chuẩn hóa cho phép VNSC thực hiện các phân tích chuyên sâu hơn về hành vi, xu hướng đầu tư của khách hàng, từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh sáng suốt hơn.
- Cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng: Dựa trên dữ liệu đã chuẩn hóa, VNSC có thể cung cấp các dịch vụ, sản phẩm và thông tin phù hợp với từng đối tượng khách hàng, nâng cao sự hài lòng và gắn bó.
- Tối ưu hóa quy trình quản lý: Dữ liệu chuẩn hóa giúp VNSC quản lý thông tin khách hàng một cách tập trung và hiệu quả hơn, giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian.

7.2. eKYC sử dụng NFC và sinh trắc học:

Việc triển khai eKYC (định danh khách hàng điện tử) sử dụng công nghệ NFC (giao tiếp trường gần) và sinh trắc học (nhận dạng khuôn mặt) mang lại nhiều lợi ích:

- Quy trình mở tài khoản nhanh chóng và tiện lợi: Khách hàng có thể mở tài khoản trực tuyến một cách dễ dàng, không cần phải đến trực tiếp chi nhánh, giúp tiết kiệm thời gian và công sức.
- Tăng cường tính bảo mật: Công nghệ sinh trắc học giúp xác thực danh tính khách hàng một cách chính xác, ngăn chặn các hành vi gian lận và đảm bảo an toàn cho tài khoản.
- Nâng cao trải nghiệm khách hàng: Quy trình eKYC đơn giản, hiện đại mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng, giúp họ cảm thấy thoải mái và tin tưởng hơn khi sử dụng dịch vụ của VNSC.

7.3. Phát triển các tính năng, sản phẩm Powered by AI:

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phát triển sản phẩm và dịch vụ là một điểm nhấn quan trọng trong năm 2024 của VNSC. Các tính năng và sản phẩm Powered by AI mang lại nhiều lợi ích:

- Research (Nghiên cứu thị trường): Các công cụ nghiên cứu thị trường sử dụng AI giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin nhanh chóng, phân tích dữ liệu hiệu quả và đưa ra quyết định đầu tư chính xác hơn.
- Tóm tắt tin tức: Tính năng tóm tắt tin tức giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian đọc báo, nắm bắt thông tin quan trọng một cách nhanh chóng và dễ dàng.
- Nhận định cổ phiếu: Các công cụ nhận định cổ phiếu sử dụng AI giúp nhà đầu tư có thêm góc nhìn chuyên sâu, đánh giá tiềm năng của cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.
- Cá nhân hóa gợi ý đầu tư: AI có thể phân tích dữ liệu cá nhân của từng nhà đầu tư và đưa ra các gợi ý đầu tư phù hợp với mục tiêu, khẩu vị rủi ro và tình hình tài chính của họ.

7.4. Ứng dụng AI trong hoạt động phát triển sản phẩm:

Không chỉ ứng dụng AI cho khách hàng, VNSC còn sử dụng AI để nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động nội bộ:

- Tối ưu hóa quy trình: AI có thể tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại, giúp nhân viên tập trung vào các công việc sáng tạo và phức tạp hơn.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm: AI có thể phân tích dữ liệu và đưa ra các gợi ý cải tiến sản phẩm, giúp VNSC tạo ra các sản phẩm tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Tăng cường hiệu quả làm việc: AI giúp nhân viên làm việc nhanh hơn, hiệu quả hơn và ít mắc lỗi hơn.

7.6. Thường xuyên thực hiện Pentest, RedTeam:

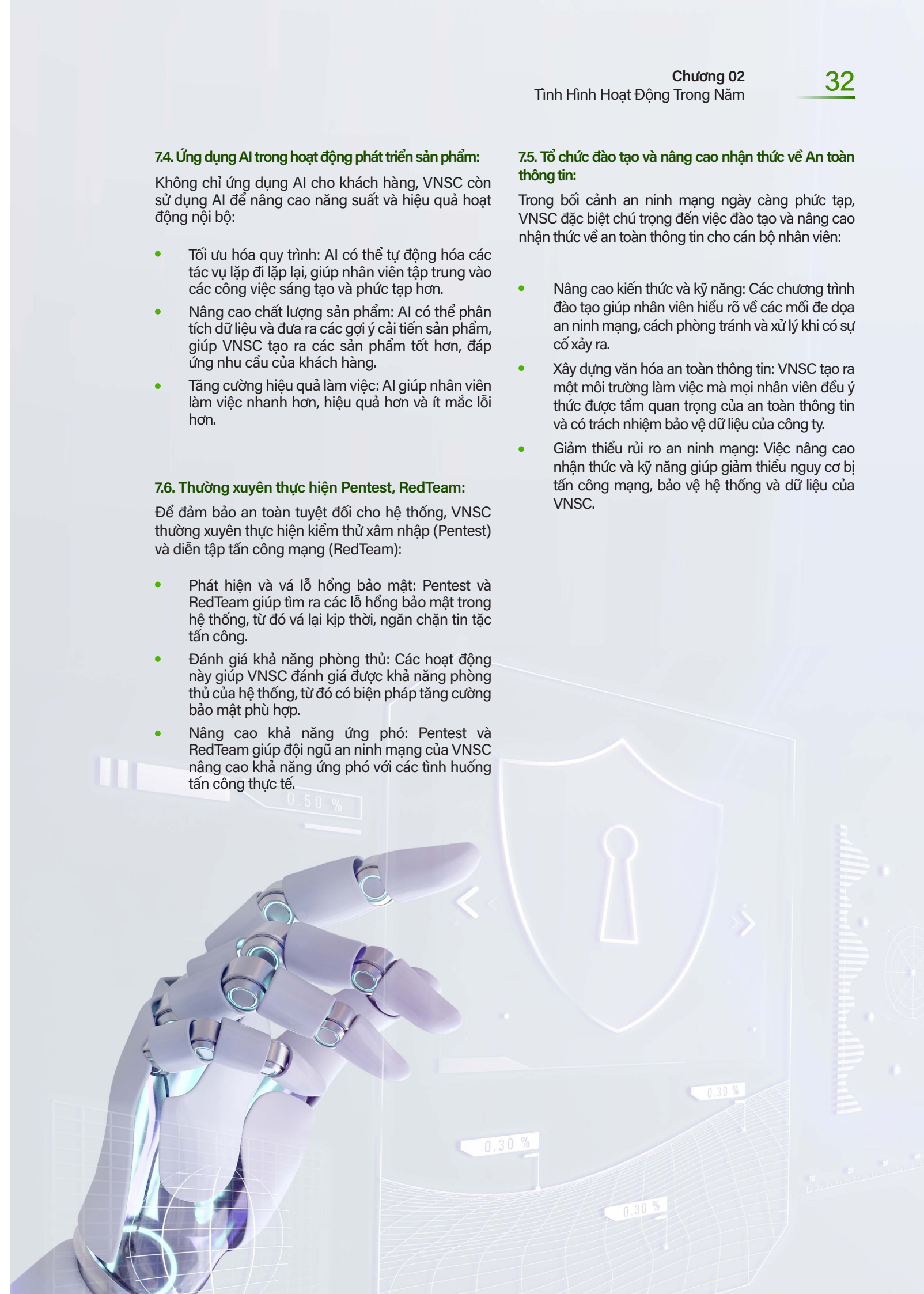
Để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hệ thống, VNSC thường xuyên thực hiện kiểm thử xâm nhập (Pentest) và diễn tập tấn công mạng (RedTeam):

- Phát hiện và vá lỗ hổng bảo mật: Pentest và RedTeam giúp tìm ra các lỗ hổng bảo mật trong hệ thống, từ đó vá lại kịp thời, ngăn chặn tin tặc tấn công.
- Đánh giá khả năng phòng thủ: Các hoạt động này giúp VNSC đánh giá được khả năng phòng thủ của hệ thống, từ đó có biện pháp tăng cường bảo mật phù hợp.
- Nâng cao khả năng ứng phó: Pentest và RedTeam giúp đội ngũ an ninh mạng của VNSC nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống tấn công thực tế.

7.5. Tổ chức đào tạo và nâng cao nhận thức về An toàn thông tin:

Trong bối cảnh an ninh mạng ngày càng phức tạp, VNSC đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ nhân viên:

- Nâng cao kiến thức và kỹ năng: Các chương trình đào tạo giúp nhân viên hiểu rõ về các mối đe dọa an ninh mạng, cách phòng tránh và xử lý khi có sự cố xảy ra.
- Xây dựng văn hóa an toàn thông tin: VNSC tạo ra một môi trường làm việc mà mọi nhân viên đều ý thức được tầm quan trọng của an toàn thông tin và có trách nhiệm bảo vệ dữ liệu của công ty.
- Giảm thiểu rủi ro an ninh mạng: Việc nâng cao nhận thức và kỹ năng giúp giảm thiểu nguy cơ bị tấn công mạng, bảo vệ hệ thống và dữ liệu của VNSC.



8. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM



Sản phẩm và dịch vụ mới ra mắt trong năm 2024

Năm 2024, VNSC by Finhay tiếp tục mở rộng hệ sinh thái sản phẩm tài chính, hướng đến mục tiêu xây dựng nền tảng đầu tư thông minh dành cho nhà đầu tư cá nhân. Các sản phẩm và dịch vụ được phát triển theo triết lý “Dễ quyết định – Dễ đầu tư”, giúp khách hàng tiếp cận thị trường tài chính một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả hơn.

8.1. HayBond – Giải pháp đầu tư trái phiếu an toàn

HayBond là sản phẩm nổi bật nhất của VNSC by Finhay trong năm 2024, mang đến cơ hội đầu tư vào các trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Với mức độ an toàn cao và khả năng sinh lợi ổn định, HayBond đã thu hút hơn nhiều khách hàng quan tâm và sử dụng, trở thành kênh đầu tư trái phiếu đại chúng được ưa chuộng trên thị trường.

8.2. Săn IPO – Cơ hội đầu tư vào doanh nghiệp tiềm năng

Nhằm mang đến những lựa chọn đầu tư đa dạng, VNSC by Finhay đã triển khai sản phẩm Săn IPO, giúp khách hàng tiếp cận sớm với các doanh nghiệp tiềm năng trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2024, VNSC đã phân phối thành công Trái phiếu DSE, với tổng giá trị đăng ký vượt 300 tỷ đồng, minh chứng cho sức hút mạnh mẽ của sản phẩm.

8.3. Tích hợp NFC trong dịch vụ eKYC – Chuẩn hóa quy trình xác thực khách hàng

VNSC by Finhay là một trong những công ty chứng khoán tiên phong triển khai giải pháp NFC trong quy trình eKYC, giúp khách hàng mở tài khoản chứng khoán một cách nhanh chóng và an toàn và cũng đưa vào vận hành từ tháng 11 năm 2024. Hệ thống cho phép xác thực thông tin thẻ Căn cước công dân gắn chip và đối chiếu dữ liệu với C06 – Bộ Công an theo quy định 4501/UBCK-CNTT, nâng cao độ tin cậy của hồ sơ khách hàng.

Đây là một dịch vụ trọng yếu trong năm 2024, không chỉ giúp gia tăng tính pháp lý của thông tin khách hàng mà còn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, góp phần nâng cao uy tín của VNSC by Finhay trên thị trường tài chính.

8.4. Chuyên trang Chứng chỉ Quỹ – Cung cấp nền tảng thông tin chuyên sâu

Nhằm hỗ trợ nhà đầu tư có đầy đủ thông tin và đánh giá chuyên sâu về các quỹ đầu tư, VNSC by Finhay đã ra mắt Chuyên trang Chứng chỉ Quỹ (<https://fund.vnsc.vn/>). Đây là nền tảng cung cấp dữ liệu minh bạch về hiệu quả hoạt động của từng quỹ, giúp nhà đầu tư dễ dàng so sánh, lựa chọn và thực hiện giao dịch một cách đơn giản.

Cuối năm, VNSC by Finhay đã vinh dự được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) vinh danh là “Đại lý phân phối – Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024” bởi những đóng góp tích cực và hiệu quả của công ty trong năm.

8.5. Ứng dụng AI – Nâng tầm trải nghiệm đầu tư

VNSC by Finhay tiên phong trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào các dịch vụ tài chính, mang đến những trải nghiệm đầu tư hiện đại và thú vị hơn. Trong năm 2024, công ty đã ra mắt các tính năng AI độc đáo:

AI Đặt lệnh – Hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định nhanh chóng, tối ưu chiến lược giao dịch.

Gieo quẻ đầu tư/Thấp hương – Kết hợp yếu tố giải trí vào hoạt động đầu tư, giúp khách hàng có trải nghiệm thú vị hơn khi giao dịch.

Huy hiệu AI – Hệ thống phần thưởng bằng huy hiệu do AI tạo ra, khuyến khích khách hàng hoàn thành các tác vụ đầu tư.

Trong năm, VNSC by Finhay đã được vinh danh tại Giải thưởng Asian Technology Excellence Awards 2024 (Giải thưởng Công nghệ Xuất Sắc Châu Á 2024), khẳng định năng lực ứng dụng công nghệ vào dịch vụ tài chính.

9. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ ĐỐI TÁC

Đối với năm 2024, thách thức lớn nhất của VNSC trên hành trình phát triển thương hiệu vẫn chính là tăng mức độ nhận biết thương hiệu đối với các nhà đầu tư cá nhân, cũng như là những khách hàng tiềm năng đang sử dụng các sản phẩm tài chính, tiêu dùng. Kể từ khi chính thức chuyển giao nền tảng và tái định vị thương hiệu vào tháng 5/2023, VNSC và ứng dụng VNSC by Finhay đối với khách hàng đại chúng gần như là một thương hiệu lạ lẫm, đòi hỏi nhiều nỗ lực truyền thông, quảng cáo để được biết tới nhiều hơn.

Sau hơn 1 năm với nhiều hoạt động truyền thông thương hiệu tích cực, mức độ nhận biết có gợi nhắc (Aided awareness) của VNSC và VNSC by Finhay đã gia tăng nhanh chóng, đạt 16% (theo báo cáo “Brand Health Tracking” được Asia Plus thực hiện vào tháng 6/2024). Đây là một chỉ số quan trọng và cần thiết đối với một thương hiệu mới, để doanh nghiệp có thể soi chiếu và cải thiện hình ảnh thương hiệu vươn tới những mục tiêu xa hơn là trở thành một thương hiệu phổ biến.

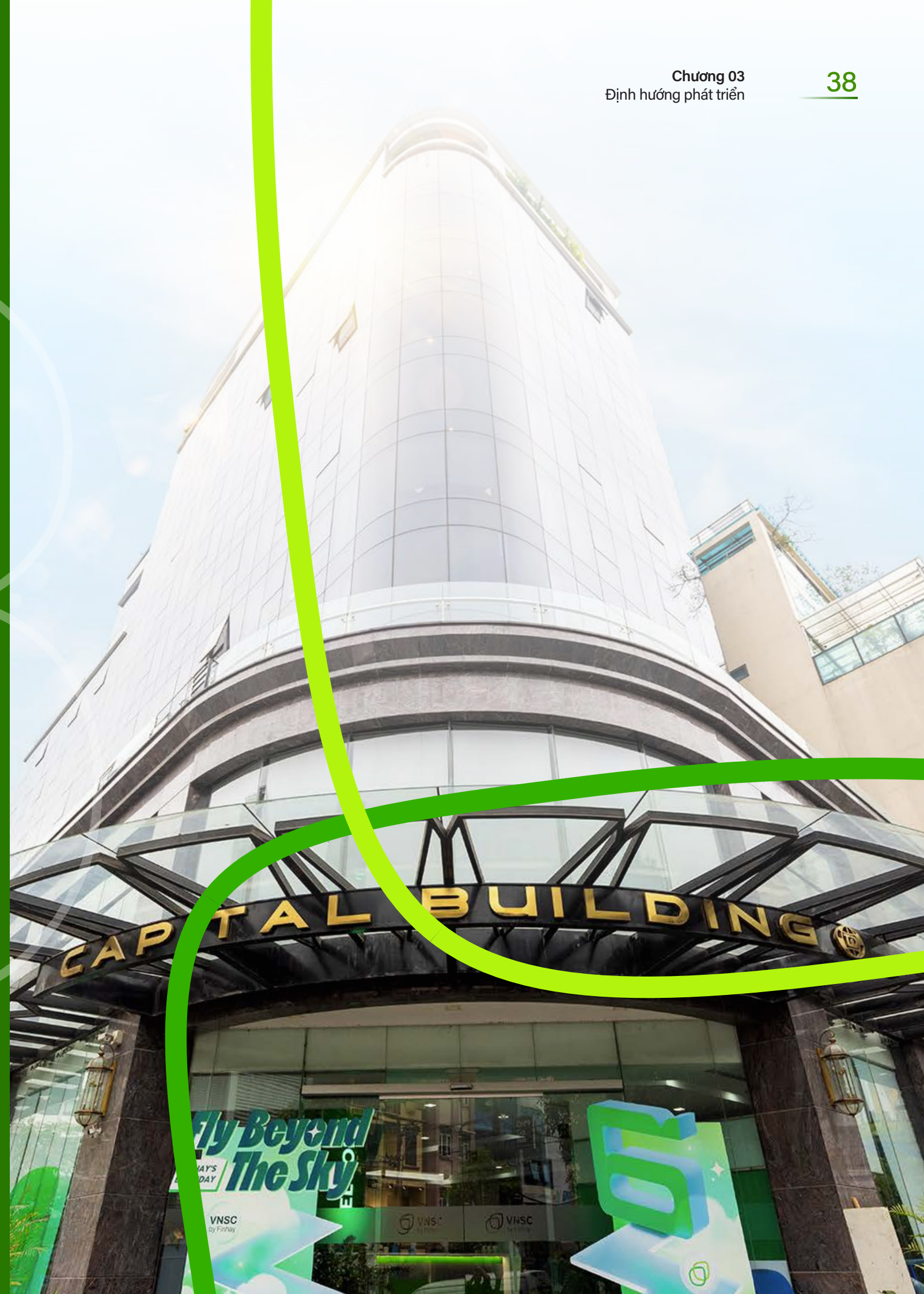
Các chiến dịch quảng cáo lớn được VNSC thực hiện với những thông điệp như “Tích lũy và đầu tư dễ dàng trên VNSC by Finhay” hay “Vừa đi làm, vừa đầu tư với VNSC by Finhay” đã giúp cho thương hiệu tới gần hơn với những nhà đầu tư không chuyên và đa dạng đối tượng khách hàng đang sử dụng dịch vụ tài chính với 2 nhu cầu cơ bản là Tích lũy và Đầu tư. Bên cạnh việc thể hiện hình ảnh thương hiệu tài chính uy tín với nhiều giải thưởng quốc tế, năng lực về công nghệ của VNSC thông qua ứng dụng AI vào phục vụ hỗ trợ đầu tư cho khách hàng cũng liên tục được quảng bá và nhấn mạnh, khẳng định trong toàn bộ các hoạt động truyền thông thương hiệu.

Trong năm 2024, VNSC đã mở rộng hợp tác với 10 công ty quản lý quỹ uy tín để phân phối hơn 30 chứng chỉ quỹ mở. Đó là những tổ chức tài chính uy tín nhất trong mảng quản lý quỹ tại Việt Nam, có thể kể đến như Vina Capital, Dragon Capital, VCBF... VNSC đã hợp tác cùng với các công ty quản lý quỹ trong các hoạt động về cập nhật tin tức thị trường, kiến thức về tài chính – đầu tư cùng những chia sẻ về kinh nghiệm đầu tư tài chính trong từng bối cảnh nền kinh tế. Những hoạt động này không chỉ giúp nhà đầu tư của VNSC có thêm hiểu biết và vững vàng hơn trong những quyết định đầu tư, mà còn khẳng định uy tín của VNSC trong mắt khách hàng cũng như là các đối tác công ty quản lý quỹ. Đó là cơ sở để giúp cho doanh thu phân phối Chứng chỉ quỹ mở của VNSC trong năm 2024 tăng trưởng vượt bậc, được VSD vinh danh là “Đại lý phân phối - Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024”.



03

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong định hướng trung và dài hạn, chúng tôi đặt mục tiêu hiện đại hoá và nâng cao toàn diện các dịch vụ tài chính và nghiệp vụ thông qua ứng dụng các giải pháp số tiên tiến. Chiến lược này không chỉ giúp tối ưu hoá quy trình vận hành mà còn tạo ra trải nghiệm khách hàng mượt mà, an toàn và hiệu quả hơn. Việc tích hợp công nghệ số vào các dịch vụ tài chính sẽ mở ra những cơ hội mới như:



- **Tự động hóa quy trình:** Giảm thiểu thủ tục giấy tờ, tăng tốc độ xử lý giao dịch và cải thiện độ chính xác trong các nghiệp vụ tài chính.
- **Nâng cao bảo mật:** Áp dụng các công nghệ mã hoá và kiểm soát truy cập tiên tiến nhằm bảo vệ dữ liệu khách hàng và ngăn chặn các rủi ro an ninh mạng.
- **Phân tích dữ liệu thông minh:** Sử dụng trí tuệ nhân tạo và học máy để dự báo xu hướng thị trường, tối ưu danh mục đầu tư và đưa ra các khuyến nghị phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Bên cạnh đó, chiến lược M&A được xem là một trụ cột quan trọng nhằm bổ sung và làm giàu thêm các giá trị cốt lõi hiện có. Thông qua việc sáp nhập và mua lại các doanh nghiệp có thế mạnh về công nghệ, năng lực quản lý chuyên sâu và uy tín trên thị trường, chúng tôi hy vọng sẽ:

- **Tăng cường năng lực cạnh tranh:** Hợp nhất các nguồn lực để tạo ra một hệ sinh thái dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt và tiên phong trên thị trường.
- **Khai thác synergies:** Tận dụng những điểm mạnh kết hợp giữa các doanh nghiệp, từ đó tối ưu hoá quy trình, cắt giảm chi phí và mở rộng phạm vi dịch vụ.
- **Đổi mới sáng tạo:** Học hỏi và áp dụng các mô hình kinh doanh mới, kết hợp giữa truyền thống và số hoá để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Về mặt mở rộng địa lý, chúng tôi đang tích cực nghiên cứu và thăm dò các thị trường mới với trọng tâm là thu hút khách hàng tổ chức, đặc biệt là các nhà đầu tư có quy mô lớn. Thị trường tài chính Việt Nam đang nổi lên với tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ và môi trường kinh doanh năng động. Định hướng này nhằm mục đích:

- **Đa dạng hóa nguồn khách hàng:** Mở rộng mạng lưới quan hệ và đưa dịch vụ của chúng tôi đến gần hơn với các tập đoàn, doanh nghiệp và các nhà đầu tư chiến lược.
- **Tận dụng tiềm năng thị trường:** Khai thác các cơ hội đầu tư và hợp tác mới trong một thị trường đang chuyển mình, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Qua việc kết hợp ba trụ cột chính là ứng dụng số, chiến lược M&A và mở rộng địa lý, định hướng trung và dài hạn của chúng tôi sẽ tạo ra một hệ sinh thái tài chính hiện đại, linh hoạt và vững mạnh. Sự đổi mới không ngừng, cùng với việc khai thác triệt để các cơ hội thị trường, sẽ giúp chúng tôi không chỉ duy trì vị thế dẫn đầu mà còn góp phần tạo ra giá trị gia tăng đáng kể cho khách hàng và đối tác trong dài hạn.

2. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2025

2.1. Định hướng phát triển sản phẩm năm 2025

Năm 2025, VNSC by Finhay tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực tài chính số bằng việc triển khai các chiến lược phát triển sản phẩm đột phá, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư và thích ứng với xu hướng thị trường.

Phát triển sản phẩm tài chính cho thế hệ gen Z

Nhận thức được tầm quan trọng của thế hệ gen Z trong thị trường đầu tư, VNSC by Finhay sẽ giới thiệu các sản phẩm tài chính mới, được tùy chỉnh theo từng giai đoạn cuộc sống của họ – từ khi độc thân, lập gia đình đến khi có con. Mục tiêu là hỗ trợ thế hệ trẻ xây dựng tài sản một cách ổn định, phù hợp với các mục tiêu cá nhân và gia đình.

Ứng dụng AI nâng cao trải nghiệm đầu tư

VNSC by Finhay tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ AI để cải thiện dịch vụ và trải nghiệm người dùng:

- **Trợ lý ảo AI:** Cung cấp hỗ trợ giao dịch, phân tích thông tin và tư vấn sản phẩm, đóng vai trò như một người đồng hành thân thiện, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của nhà đầu tư.
- **Nghiên cứu AI:** Phát triển các báo cáo phân tích chuyên sâu được tạo ra bởi AI, cung cấp góc nhìn đa chiều và thông tin chi tiết, hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định chính xác.

Nâng cấp trải nghiệm người dùng trên nền tảng số

Chúng tôi cam kết liên tục cải thiện các tiện ích và giao diện trên nền tảng số, đảm bảo sự thân thiện và dễ sử dụng. VNSC by Finhay không chỉ tập trung vào việc cung cấp đa dạng sản phẩm tài chính mà còn chú trọng tạo ra môi trường đầu tư thú vị, giúp giảm bớt căng thẳng trong bối cảnh thị trường biến động, mang lại những khoảnh khắc thư giãn khoa học cho khách hàng.

Hợp tác với các công ty quản lý quỹ uy tín

VNSC by Finhay sẽ mở rộng hợp tác với các công ty quản lý quỹ hàng đầu, nhằm giới thiệu đến nhà đầu tư các cơ hội đầu tư vào chứng chỉ quỹ mới trong năm 2025. Chúng tôi đặt mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực phân phối chứng chỉ quỹ tại Việt Nam, mang đến cho khách hàng những lựa chọn đầu tư đa dạng và chất lượng.

2.2. Kế hoạch hành động năm 2025

2.2.1. Mục tiêu cụ thể

Năm 2025, VNSC by Finhay đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán và đầu tư tài chính tại Việt Nam. Các chỉ tiêu chính bao gồm:

Tăng trưởng trở thành công ty chứng khoán với top 3 thị trường trái phiếu. Đồng thời, tiếp tục có thêm hơn 100.000 khách hàng mở tài khoản chứng khoán.

2.2.2. Các mốc thời gian quan trọng

Nửa đầu năm 2025

- Mở rộng tập khách hàng mới, đặc biệt là nhóm nhà đầu tư thế hệ Z.
- Chuẩn bị sẵn sàng cho dự án KRX, đảm bảo hệ thống có thể Golive theo lịch trình của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ra mắt các sản phẩm tài chính mới, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng ở các giai đoạn tài chính khác nhau.
- Ứng dụng AI vào các dịch vụ cơ bản, nâng cao trải nghiệm đầu tư và giao dịch.
- Triển khai các dịch vụ tài chính chuyên sâu cho khách hàng tổ chức, tối ưu hóa giải pháp đầu tư và quản lý tài sản.
- Với nỗ lực không ngừng cập nhật xu hướng công nghệ mới nhất và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, trong 2025, VNSC sẽ chính thức tham gia chương trình NVIDIA Inception – mạng lưới toàn cầu hỗ trợ các startup công nghệ do tập đoàn NVIDIA khởi xướng. Thông qua chương trình này, VNSC có cơ hội tiếp cận hệ sinh thái công nghệ tiên tiến, nhận được sự hỗ trợ chuyên sâu từ các chuyên gia hàng đầu thế giới, cũng như học hỏi kinh nghiệm từ cộng đồng công nghệ toàn cầu. Việc đồng hành cùng một tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới như NVIDIA thể hiện cam kết mạnh mẽ của VNSC trong việc ứng dụng AI và các giải pháp công nghệ hiện đại vào hoạt động tài chính, góp phần kiến tạo các sản phẩm, dịch vụ đầu tư thông minh và hiệu quả hơn cho người dùng Việt Nam.

2.2.2. Các mốc thời gian quan trọng (1)

Nửa cuối năm 2025

- Tiếp tục mở rộng ứng dụng AI vào các dịch vụ chuyên sâu, tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch và đầu tư.
- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ thu hút tập khách hàng mới, mở rộng hệ sinh thái đầu tư.
- Bổ sung các công cụ giao dịch tiện ích, tối ưu hóa tốc độ và sự thuận tiện trong giao dịch.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác tài chính, cung cấp dịch vụ phù hợp cho nhà đầu tư trẻ sau giai đoạn tích lũy tài sản.
- Hợp tác phân phối các chứng chỉ quỹ mới, tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực phân phối chứng chỉ quỹ tại Việt Nam.

2.2.3. Nguồn lực và sự chuẩn bị

- Duy trì quy mô đội ngũ dưới 110 nhân sự, đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với thị trường.
- Đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ, nâng cao bảo mật, đảm bảo sự ổn định và khả năng mở rộng của nền tảng.
- Hợp tác với các đối tác công nghệ và tài chính hàng đầu, bao gồm cả các nhà cung cấp trong nước và quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Kế hoạch hành động năm 2025 của VNSC by Finhay không chỉ hướng đến tăng trưởng kinh doanh bền vững mà còn tập trung vào đổi mới sáng tạo, nâng cao trải nghiệm khách hàng và khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực đầu tư tài chính tại Việt Nam.



3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty xác định phát triển bền vững theo các tiêu chí ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) là chiến lược cốt lõi, xuyên suốt trong mọi hoạt động. Chúng tôi cam kết không ngừng nỗ lực để nâng cao hiệu quả hoạt động ESG, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.

Trong thời gian tới, công ty sẽ tập trung vào các định hướng sau:



- **Nâng cao nhận thức về ESG:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ESG cho toàn thể cán bộ công nhân viên, giúp họ hiểu rõ vai trò, tầm quan trọng của ESG và cách thức mỗi cá nhân có thể đóng góp vào mục tiêu chung.
- **Tiếp tục cải thiện các chỉ số ESG hiện có:** Duy trì và không ngừng cải thiện các chỉ số ESG mà công ty đã đạt được, đặc biệt là các chỉ số liên quan đến bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phát triển con người và quản trị doanh nghiệp minh bạch.
- **Đưa chính sách ESG vào đời sống nhân viên:** Lồng ghép các yếu tố ESG vào các chính sách, hoạt động của công ty, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thực hành các nguyên tắc ESG trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Ví dụ: khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, tiết kiệm năng lượng, tham gia các hoạt động thiện nguyện,...
- **Xây dựng và áp dụng bộ chỉ số đo lường tác động ESG:** Nghiên cứu và xây dựng bộ chỉ số ESG phù hợp với đặc thù hoạt động của công ty, cho phép đo lường, đánh giá một cách chính xác và toàn diện tác động của các hoạt động ESG trong doanh nghiệp. Từ đó, có cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược ESG, đảm bảo hiệu quả và tính bền vững.

Công ty tin tưởng rằng, với sự quyết tâm và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, chúng tôi sẽ đạt được những thành tựu mới trong hành trình phát triển bền vững, khẳng định vị thế là một doanh nghiệp tiên phong trong việc thực hiện các tiêu chí ESG.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện
Doanh thu hoạt động	69,000,000,000	49,377,884,909	71.56%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	33,277,416	
Chi phí hoạt động	38,000,000,000	37,392,878,503	98.40%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,000,000,000	32,473,022,489	108.24%
Thu nhập khác và chi phí khác	-	2,677,489	
Lãi/lỗ trước thuế	1,000,000,000	(22,170,595,419)	-2217.06%

(Đơn vị tính: đồng)

Năm 2024, công ty đạt **71.56%** doanh thu hoạt động, cho thấy nền tảng kinh doanh ổn định và tiềm năng tăng trưởng rõ rệt. Doanh thu tài chính phát sinh ngoài kế hoạch, mở ra cơ hội hoàn thiện chiến lược đầu tư. Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ, đạt **98.40%**, phản ánh sự hiệu quả trong vận hành. Chi phí quản lý đạt **108.24%**, cho thấy công ty chú trọng đầu tư cho hệ thống quản trị. Thu nhập và chi phí khác phát sinh linh hoạt theo tình hình thực tế. Dù lợi nhuận chưa đạt kế hoạch, công ty đang từng bước triển khai các giải pháp đồng bộ, hướng tới sự ổn định và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm
Doanh thu hoạt động	49,377,884,909	23,890,479,044	106.68%
Doanh thu tài chính	33,277,416	60,635,322	-45.12%
Chi phí hoạt động	37,392,878,503	10,776,730,901	246.98%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32,473,022,489	10,517,602,367	208.75%
Thu nhập khác và chi phí khác	2,677,489	10,248	26,026.94%
Lỗ/lãi trước thuế	-22,170,595,419	2,505,542,928	-984.86%

(Đơn vị tính: đồng)

Năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (VNSC) đạt doanh thu 49.38 tỷ VND, tăng trưởng 107% so với năm 2023, nhờ vào chiến lược mở rộng hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm tài chính. Mặc dù doanh thu tăng mạnh, công ty cũng đối mặt với một số thách thức. Để nâng cao trải nghiệm khách hàng và bắt kịp xu hướng công nghệ, VNSC đã đầu tư đáng kể vào hệ thống công nghệ hiện đại, hỗ trợ khách hàng trong việc theo dõi và thực hiện giao dịch.

Tuy nhiên, khoản đầu tư này đã kéo theo sự gia tăng đáng kể của chi phí hoạt động (247%) và chi phí quản lý doanh nghiệp (209%), dẫn đến lỗ trước thuế lên tới 22.17 tỷ VND. Dù vậy, công ty vẫn duy trì tỷ lệ an toàn tài chính trên 300%, cho thấy tình hình tài chính ổn định và khả năng chi trả tốt. Bước vào năm 2025, VNSC sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển doanh thu, tối ưu hóa chi phí và ứng dụng công nghệ AI để nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo lợi thế cạnh tranh và cải thiện lợi nhuận.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

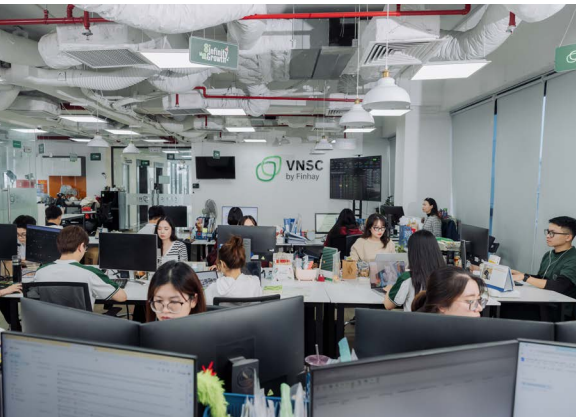
2.1 Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	339,734,388,099	302,706,900,504	12.23%
Tài sản ngắn hạn	297,577,473,236	255,389,799,886	16.52%
Tài sản tài chính	293,863,042,694	253,155,863,288	16.08%
Tài sản dài hạn	42,156,914,863	47,317,100,618	-10.91%

(Đơn vị tính: đồng)

Tổng giá trị tài sản của công ty đạt 339.961 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2023, phản ánh sự mở rộng quy mô và gia tăng nguồn lực tài chính. Đáng chú ý, tài sản ngắn hạn tăng mạnh 17%, lên 297.861 tỷ đồng, trong đó tài sản tài chính tăng 16%, đạt 294.163 tỷ đồng. Xu hướng này phản ánh chiến lược tối ưu hóa dòng tiền, gia tăng tính thanh khoản và nâng cao khả năng ứng phó linh hoạt với biến động thị trường trong năm 2024.

Tuy nhiên, tài sản dài hạn ghi nhận mức giảm 11%, xuống còn 42.100 tỷ đồng, chủ yếu do khấu hao phần mềm và các tài sản khác.



2.2 Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm
Nợ Phải trả	62,298,913,444	3,157,604,415	1,872.98%
Nợ phải trả ngắn hạn	62,298,913,444	3,157,604,415	1,872.98%

(Đơn vị tính: đồng)

Năm 2024, tổng nợ phải trả của công ty đạt 61.976 tỷ đồng, tăng 1.863% so với năm trước. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn, phản ánh chiến lược tận dụng nguồn vốn linh hoạt để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu suất tài chính.

Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục tối ưu hóa cơ cấu vốn, cân đối giữa nợ vay và vốn chủ sở hữu, đồng thời đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hướng tới tăng trưởng bền vững.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Để đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng và đồng thời đối phó với thách thức chi phí gia tăng, VNSC đã triển khai một loạt các biện pháp cải tiến toàn diện. Công ty thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, tinh gọn hóa các phòng ban, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu chi phí.

Bên cạnh đó, VNSC cũng chú trọng vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản và quy trình nội bộ. Việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này giúp tạo ra một hành lang pháp lý nội bộ vững chắc, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động của công ty. Điều này đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực chứng khoán, nơi sự tuân thủ và quản lý rủi ro được đặt lên hàng đầu.

Không chỉ tập trung vào cơ cấu và quy trình, VNSC còn đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển nguồn nhân lực. Các chương trình đào tạo chuyên sâu được tổ chức thường xuyên, giúp nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc. Việc đánh giá hiệu suất làm việc định kỳ giúp VNSC nhận diện và khen thưởng những cá nhân xuất sắc, đồng thời đưa ra các biện pháp cải thiện cho những nhân viên cần hỗ trợ. Những cải tiến này không chỉ giúp VNSC nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Từ năm 2023, VNSC xây dựng hạ tầng công nghệ nền tảng thành công với nền tảng đầu tư thông minh VNSC by Finhay là đại diện duy nhất từ Việt Nam được vinh danh tại hạng mục Nền tảng đầu tư ứng dụng AI/ML (trí tuệ nhân tạo/ Máy học) sáng tạo nhất của giải thưởng IBSi Global Fintech Innovation Awards 2023 dành cho nhóm tính năng AI vượt trội.



Sự ghi nhận về hiệu quả của nhóm tính năng ứng dụng AI là đòn bẩy cho những bước tiếp theo của VNSC trên hành trình theo đuổi định hướng số hóa trải nghiệm đầu tư, trong đó AI là công nghệ cốt lõi. Bước vào năm 2024, VNSC xác định công nghệ là nền tảng cốt lõi, là đòn bẩy giúp công ty mở rộng quy mô, gia tăng hiệu suất vận hành và tối ưu trải nghiệm khách hàng. Công nghệ không chỉ giúp VNSC củng cố vị thế trên thị trường mà còn thúc đẩy tốc độ tăng trưởng bền vững. Và VNSC by Finhay được vinh danh tại Giải thưởng Công nghệ Xuất Sắc Châu Á 2024 (Asian Technology Excellence Awards 2024) nhờ năng lực ứng dụng AI trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán.

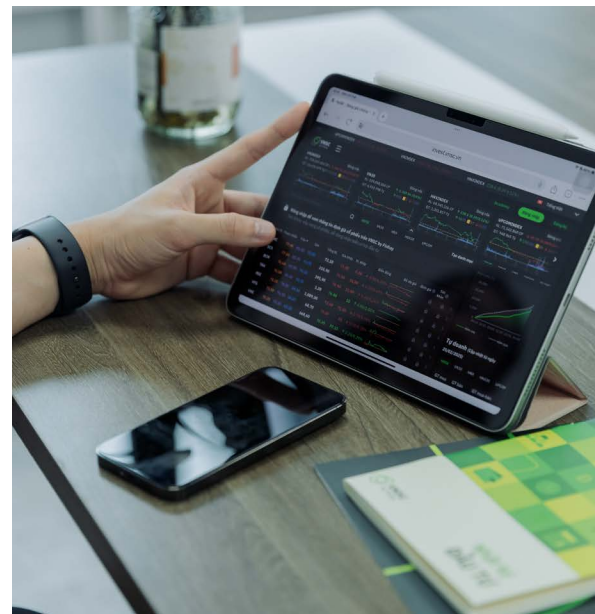
Tiếp nối những thành công đó, kế hoạch năm 2025 VNSC vạch ra một lộ trình phát triển đầy tham vọng, tập trung vào việc củng cố vị thế trên thị trường tài chính, đồng thời mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng. Trong chiến lược đó, HayBond giữ vai trò trung tâm, là sản phẩm chủ lực định hình tương lai của VNSC đưa sản phẩm này trở thành lựa chọn hàng đầu trên thị trường trái phiếu niêm yết.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI⁽¹⁾

Định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ Lấy khách hàng làm trung tâm

Công nghệ làm nền tảng cốt lõi, VNSC đẩy mạnh đầu tư và phát triển sản phẩm HayBond là - phẩm chủ lực, hướng đến mục tiêu mở rộng quy mô. Đối với phân khúc khách hàng tổ chức, VNSC đặt mục tiêu thu hút và phát triển khách hàng tổ chức. Để hiện thực hóa mục tiêu này, công ty sẽ không ngừng nâng cao trải nghiệm người dùng, cung cấp nền tảng đầu tư linh hoạt, thông minh và hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Bên cạnh đó, việc triển khai hệ thống giao dịch mới - KRX Project của UBCK trong năm 2025 sẽ giúp các Công ty thành viên trong đó có VNSC nâng cao hiệu suất và độ tin cậy của dịch vụ, mang đến trải nghiệm giao dịch mượt mà và an toàn cho khách hàng. VNSC cũng sẽ tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược như CIMB để mở rộng danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính. Việc triển khai E-sign sẽ tối ưu hóa quy trình mở tài khoản chứng khoán, quỹ đầu tư và HayBond, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và công sức. Không chỉ là một nền tảng giao dịch, VNSC hướng đến trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy, mang đến giải pháp tài chính toàn diện, đột phá, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận các cơ hội sinh lời trong bối cảnh thị trường biến động hiện nay.



Công nghệ ứng dụng AI và tối ưu vận hành Tăng cường năng lực cạnh tranh

Từ nhiều năm nay, VNSC nhận thức rõ tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động. AI sẽ được tích hợp sâu rộng vào các quy trình vận hành, từ việc phân tích dữ liệu thị trường, cung cấp thông tin đầu tư, đến việc xử lý yêu cầu của khách hàng. Hệ thống nghiên cứu AI tiên tiến sẽ giúp các tổ chức quản lý tài sản (AMCs) đưa ra quyết định đầu tư nhanh chóng và chính xác, với khả năng phân tích dữ liệu vượt trội.

Năm 2025, Công ty đặt mục tiêu tự động hóa 98% yêu cầu của khách hàng, đảm bảo thời gian xử lý nhanh chóng và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng. VNSC cũng sẽ đẩy mạnh tự động hóa quy trình nội bộ, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo quy mô nhân sự không gia tăng nhưng hiệu quả vẫn được cải thiện. Với thế mạnh về công nghệ, VNSC cũng hướng đến việc ứng dụng AI vào mọi hoạt động của Công ty. Các khóa đào tạo chuyên sâu về AI và công nghệ sẽ được tổ chức thường xuyên, giúp đội ngũ nhân viên nâng cao năng lực và bắt kịp xu hướng công nghệ mới.

Mở rộng thị phần và đối tác Kiến tạo hệ sinh thái tài chính vững mạnh

Không ngừng mở rộng, VNSC tự hào được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vinh danh với giải thưởng "Đại lý phân phối – Thành viên lập quỹ tích cực năm 2024". Đây là sự công nhận cho những nỗ lực của công ty trong việc mở rộng kênh phân phối chứng chỉ quỹ, đồng thời nâng cao nhận thức và tri thức đầu tư cho cộng đồng tài chính. Không dừng lại ở đó, VNSC đặt mục tiêu trở thành lựa chọn hàng đầu của các công ty quản lý tài sản tại Việt Nam, với việc sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng việc phân phối chứng chỉ quỹ của các tổ chức uy tín. Đồng thời, VNSC cũng hướng đến mở rộng quy mô nền tảng, thu hút nhiều công ty quản lý quỹ mới tham gia, gia tăng tính thanh khoản và tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội.

Với mảng trái phiếu đại chúng, VNSC đặt mục tiêu gia tăng thị phần và trở thành nhà phân phối hàng đầu cho các đợt phát hành trái phiếu của các tổ chức uy tín. Công ty cũng sẽ phát triển hệ thống giao dịch chuyên biệt cho tổ chức, với nhiều công cụ hỗ trợ giúp Khách hàng thuận tiện trong quá trình giao dịch.

Với nền tảng công nghệ vững chắc, mạng lưới đối tác mạnh mẽ và cam kết không ngừng đổi mới, VNSC không chỉ mở rộng thị phần mà còn định hình một hệ sinh thái tài chính toàn diện, nơi mọi nhà đầu tư – từ cá nhân đến tổ chức – đều có thể tìm thấy giải pháp đầu tư tối ưu nhất.

Tăng cường nhận diện thương hiệu và phát triển khách hàng - Lan tỏa giá trị đầu tư thông minh

VNSC sẽ đẩy mạnh các hoạt động marketing và truyền thông, mở rộng độ phủ thương hiệu thông qua việc hợp tác với các thương hiệu lớn. Mục tiêu là đạt 4,6 triệu lượt truy cập website và tăng trưởng đáng kể lượng người dùng trên ứng dụng di động. Công ty cũng sẽ triển khai các chương trình giới thiệu khách hàng hấp dẫn, xây dựng cộng đồng đầu tư năng động, đồng thời khẳng định vị thế là lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực tiết kiệm và đầu tư trực tuyến.

Với kế hoạch phát triển toàn diện và chi tiết, VNSC tự tin sẽ đạt được những mục tiêu đã đề ra, mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng và góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Giám đốc Công ty ghi nhận và đánh giá cao kết luận của đơn vị kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính năm 2024. Theo báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập và trình bày trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Đây là minh chứng rõ ràng cho sự cam kết của Công ty trong việc đảm bảo tính minh bạch, chuẩn mực và chính xác trong công tác kế toán – tài chính. Kết quả kiểm toán không chỉ phản ánh chất lượng hệ thống tài chính mà còn khẳng định sự vững vàng trong quản trị, khả năng kiểm soát rủi ro và định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Với những yếu tố này, trong năm 2025 Ban Giám đốc cam kết sẽ tiếp tục:

- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, tối ưu hóa nguồn lực và dòng tiền để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững.
- Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và toàn vẹn của dữ liệu tài chính, đặc biệt thông qua các giải pháp công nghệ và AI tiên tiến.
- Tuân thủ các quy định kế toán và thông lệ tài chính quốc tế, nâng cao chất lượng báo cáo tài chính theo các chuẩn mực tốt nhất.

Với nền tảng tài chính vững chắc và chiến lược quản trị bài bản, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng cơ hội phát triển, củng cố niềm tin của cổ đông, đối tác và các bên liên quan, hướng đến những giá trị dài hạn và bền vững trong tương lai.



6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESG)

Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của VNSC. Với cam kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm xã hội, chúng tôi không ngừng nâng cao tiêu chuẩn ESG, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về môi trường, lao động và quản trị doanh nghiệp. Những nỗ lực này đã giúp VNSC vinh dự lọt vào top 10 công ty chứng khoán có thành tích ESG nổi bật. Đây không chỉ là sự ghi nhận xứng đáng cho những đóng góp của chúng tôi mà còn là động lực thúc đẩy VNSC tiếp tục xây dựng một hệ sinh thái tài chính bền vững, tạo ra giá trị lâu dài cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.

Bước sang năm 2025, VNSC đặt ra những mục tiêu tham vọng nhằm nâng cao hơn nữa các tiêu chuẩn ESG:

Môi trường: Giảm tiêu thụ năng lượng thêm 10%, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và đẩy mạnh số hóa quy trình hoạt động.

Nhân sự: Đảm bảo 100% nhân viên được tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, cải thiện chính sách phúc lợi và nâng cao trải nghiệm làm việc.

Cộng đồng: Mở rộng các chương trình giáo dục tài chính cho sinh viên và người trẻ, đồng hành cùng các tổ chức xã hội trong các hoạt động thiện nguyện.

Thị trường vốn xanh: Đẩy mạnh đầu tư vào các sản phẩm tài chính xanh, hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp bền vững.



6.1. Tác động lên môi trường

Năm 2024 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của VNSC, thể hiện qua những nỗ lực không ngừng nhằm giảm thiểu tác động môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội.

Về năng lượng tiêu thụ, VNSC tiếp tục ưu tiên các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính. Việc chuyển đổi 100% sang đèn LED trong toàn công ty đã mang lại hiệu quả tiết kiệm năng lượng đáng kể, đồng thời giảm lượng khí thải CO₂. VNSC cũng hướng tới văn phòng không giấy tờ bằng cách số hóa 100% quy trình và văn bản, giúp giảm lượng giấy tiêu thụ và bảo vệ tài nguyên rừng.

Trong quản lý nguồn nguyên vật liệu, VNSC chú trọng sử dụng vật liệu tái chế và có thể sử dụng lại nhiều sự kiện, chương trình của công ty. Công ty cũng khuyến khích nhân viên sử dụng cốc sứ và vật dụng cá nhân, giảm thiểu rác thải nhựa. Việc thanh lý các thiết bị cũ với tổng giá trị 63.000.000 VNĐ không chỉ giúp giảm thiểu ô nhiễm mà còn giúp tối ưu hóa nguồn lực.

Năm 2024, VNSC tiếp tục khẳng định cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong suốt năm, công ty không ghi nhận bất kỳ trường hợp nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này. Điều này chứng minh nỗ lực của VNSC trong việc duy trì hoạt động kinh doanh bền vững, hài hòa với các tiêu chuẩn môi trường. VNSC luôn chủ động cập nhật và áp dụng các quy định mới nhất, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ để đảm bảo tuân thủ tuyệt đối.



6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn đặt người lao động làm trọng tâm và không ngừng nỗ lực để xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn. Các chính sách về người lao động được chú trọng phát triển nhằm thu hút, giữ chân và phát triển nhân tài, đồng thời đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động.

Đào tạo và Phát triển: Công ty đặc biệt quan tâm đến việc phát triển năng lực của nhân viên. Trong năm qua, 100% nhân viên đã được tham gia các chương trình đào tạo với tổng kinh phí đầu tư là 266,156,400 VND. Các chương trình đào tạo này được thiết kế đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và kiến thức quản lý. Bên cạnh đó, công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài để phát triển bản thân.

Lắng nghe và Phản hồi: Để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và ý kiến đóng góp của người lao động, công ty đã thực hiện 1 khảo sát chính thức về kỳ vọng của nhân viên với công ty và 12 khảo sát hàng tháng ý kiến về các chương trình truyền thông nội bộ. Kết quả khảo sát được phân tích kỹ lưỡng và sử dụng để cải thiện chính sách, môi trường làm việc và nâng cao sự hài lòng của nhân viên.

Đánh giá Hiệu quả làm việc: Công ty áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc định kỳ, minh bạch và công bằng. 60% nhân viên được đánh giá năng lực 1 năm/lần. Kết quả đánh giá là cơ sở để ghi nhận, khen thưởng và có những điều chỉnh phù hợp trong chính sách lương, thưởng, thăng tiến. Năm vừa qua, hơn 27,9% nhân viên được nâng lương, thăng cấp với mức tăng lương trung bình là 1,51%. Ngoài ra, 7 nhân viên xuất sắc đã được đề cử giải thưởng "Nhân viên của năm" và 4 nhân viên được thăng tiến lên vị trí cao hơn.

Chăm sóc Sức khỏe: Công ty đặc biệt chú trọng đến sức khỏe của người lao động. 100% nhân viên được tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Ngoài ra, công ty còn hỗ trợ gói bảo hiểm sức khỏe cho 29 cán bộ quản lý cấp cao (Key/Leader/BOM), thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm của công ty đối với sức khỏe và đời sống của người lao động.

Hoạt động Văn hóa - Thể thao: Nhằm tạo ra môi trường làm việc năng động, gắn kết và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên, công ty đã thành lập 3 câu lạc bộ: Cầu lông, Board game và Bóng đá. Hiện tại, đã có 53/106 nhân viên tham gia các câu lạc bộ này.

An toàn Lao động: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan chức năng về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy (PCCC). Chương trình đào tạo về an toàn lao động và PCCC được tổ chức thường niên cho tất cả nhân viên. Đặc biệt, công ty đã tổ chức chương trình tập huấn sơ cứu cứu nạn cho toàn bộ nhân viên, trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết để ứng phó với các tình huống khẩn cấp không chỉ áp dụng trong công ty mà còn có thể áp dụng thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày.

Với những nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng chính sách người lao động toàn diện và hiệu quả, công ty tin tưởng sẽ tạo dựng được một môi trường làm việc lý tưởng, thu hút và giữ chân nhân tài, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, công ty luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội và nỗ lực đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng địa phương. Chúng tôi tin rằng, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp gắn liền với sự phát triển của cộng đồng. Trong năm qua, công ty đã tập trung vào các hoạt động hỗ trợ cộng đồng đồng sau:

Chung tay hỗ trợ cộng đồng vượt qua thiên tai: Trước những thiệt hại nặng nề do bão Yagi gây ra, Công đoàn VNSC đã phát động chương trình quyên góp ủng hộ đồng bào các vùng bị ảnh hưởng. Với tinh thần "tương thân tương ái", cán bộ công nhân viên trong công ty đã quyên góp được số tiền 52.8 triệu đồng. Số tiền này đã được gửi đến Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam góp phần giúp đỡ cộng đồng khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống.

Đồng hành cùng thế hệ trẻ: Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hỗ trợ thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Chúng tôi đã phối hợp cùng trường Trung học Vinschool tổ chức chương trình kiến tập cho học sinh trong năm học 2024. Chương trình này tạo cơ hội cho các em học sinh được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, trải nghiệm các hoạt động kinh doanh và hiểu rõ hơn về vai trò của doanh nghiệp trong xã hội.

Chia sẻ kiến thức về tài chính cá nhân: Nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị kiến thức tài chính cho thế hệ trẻ, công ty đã chủ động tham gia các sự kiện, diễn đàn sinh viên với vai trò là diễn giả. Các chuyên gia tài chính của công ty đã chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm thực tế về quản lý tài chính cá nhân cho sinh viên tại các trường đại học uy tín như Vin University và Đại học Ngoại thương. Các buổi chia sẻ này đã thu hút sự quan tâm của đông đảo sinh viên và nhận được nhiều phản hồi tích cực.



6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

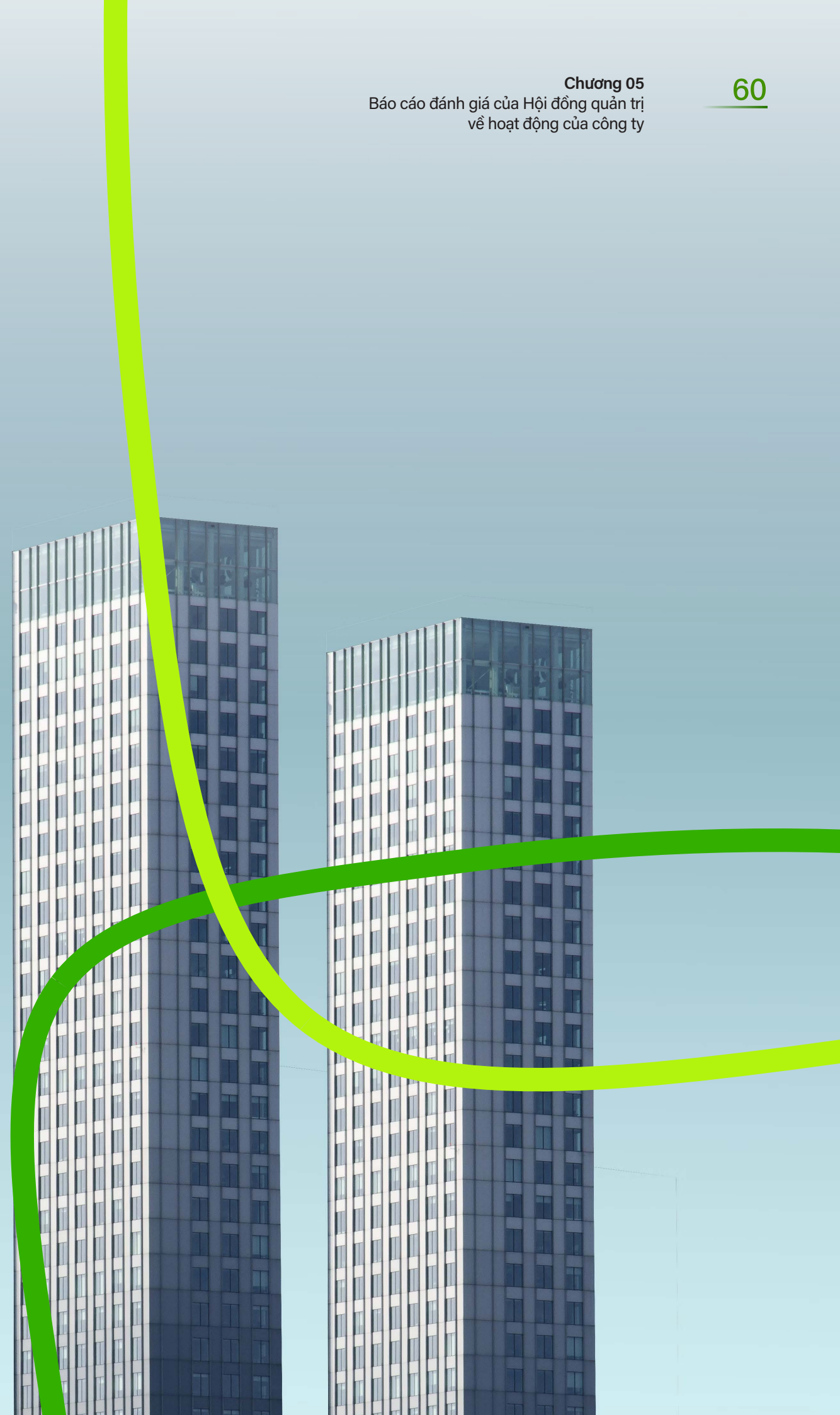
Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển bền vững và tích cực triển khai các hoạt động theo hướng thị trường vốn xanh, góp phần vào mục tiêu chung về bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xanh. Trong năm vừa qua, công ty đã thực hiện các hoạt động sau:

Ưu tiên đầu tư vào các ngành kinh tế xanh: Công ty tập trung đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của ngành ngân hàng, đồng thời hạn chế đầu tư vào các ngành xây dựng và bất động sản. Việc ưu tiên đầu tư vào ngành ngân hàng thể hiện cam kết của công ty trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh tế xanh, bền vững, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của đất nước.

Với những thành tựu đã đạt được trong năm 2024, VNSC bước vào năm 2025 với một tầm nhìn rõ ràng và những cam kết mạnh mẽ hơn trong lĩnh vực ESG. Chúng tôi tin rằng phát triển bền vững không chỉ tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp mà còn đóng góp tích cực vào cộng đồng và nền kinh tế. VNSC sẽ tiếp tục đổi mới, tiên phong trong các giải pháp tài chính xanh và phát triển bền vững, hướng đến một tương lai thịnh vượng và lâu dài.

05

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Nắm bắt được xu hướng thị trường, đón đầu được các cơ hội đầu tư, đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của VNSC, HĐQT và Ban Giám đốc đã định hướng phát triển đúng đắn, chỉ đạo kịp thời đưa kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2024. Cụ thể (theo Báo cáo chưa kiểm toán 2024 và Báo cáo kiểm toán 2023):

Kết thúc năm 2024, doanh thu của Công ty đạt 48,94 tỷ đồng, tăng gấp 2,05 lần so với năm 2023.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra, nhưng doanh thu đã có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2023.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của Ban Giám đốc, theo Điều lệ và Quy chế quản trị, HĐQT thường xuyên thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

- Yêu cầu tuân thủ các quy định, chính sách nội bộ trong công tác điều hành, công tác tài chính kế toán, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh tại Công ty.
- Yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra Kế hoạch và triển khai kế hoạch theo mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
- Báo cáo biến động nhân lực và kế hoạch tuyển dụng.
- Phối hợp với Bộ phận kiểm soát nội bộ để nắm bắt kịp thời các rủi ro và đưa ra phương án kịp thời.

Với các kết quả đạt được, HĐQT ghi nhận Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành hoạt động của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và chỉ đạo. Trong quá trình điều hành, Ban Giám đốc cũng thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Qua đó, tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh trên nền tảng phát triển bền vững, cố gắng mang lại lợi ích cho Công ty và toàn thể cổ đông và sẽ tiếp tục phát triển để nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm khó khăn với nền kinh tế toàn cầu, HĐQT nhận định rằng đây vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội trong công tác hoạch định chiến lược, điều hành và quản trị rủi ro của Công ty. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ tập trung giải quyết các vấn đề trọng điểm liên quan đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng nhân sự và thực hiện các nhiệm vụ Đại hội đồng thường niên thông qua.

Chủ động phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động môi giới, tư vấn, đầu tư và các công tác quản lý của Công ty, đồng thời đưa ra các giải pháp kịp thời và yêu cầu Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện. Các vấn đề cốt lõi được tập trung sẽ bao gồm:

Chiến lược phát triển

HĐQT sẽ có những định hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng bộ máy nhân sự xuất sắc, gắn bó, tập trung phát triển công nghệ dựa trên nền tảng sẵn có đưa VNSC thành công ty chứng khoán số hàng đầu tại Việt Nam. Để đạt được điều đó, VNSC cần tập trung vào ba yếu tố sau:

- Tiên phong ra mắt các sản phẩm đầu tư và quản lý tài sản mới cho khách hàng.
- Mở rộng kết nối với các hệ sinh thái số khác tại Việt Nam.
- Cá nhân hóa các dịch vụ và sản phẩm và việc sử dụng công nghệ dữ liệu.

Bên cạnh đó, việc tập trung khắc phục các vấn đề, các tồn đọng trong quản trị kinh doanh là vô cùng cần thiết như: nhân sự quản lý, các công tác quản trị rủi ro, công việc giám sát hoạt động đối với Ban Giám đốc và dự báo các biến động lớn của thị trường, đặc biệt trong giai đoạn đặc biệt khó khăn, chịu nhiều tác động lớn đến từ thị trường chứng khoán thế giới cũng như tình hình bất ổn của nền kinh tế toàn cầu trong năm 2025.

Công tác nhân sự

HĐQT sẽ có những chỉ đạo tới Ban Giám đốc nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, tuyển chọn các nhân sự có kinh nghiệm vào các vị trí chủ chốt; đồng thời tăng cường kiểm tra tuân thủ minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

Để nâng cao mức độ gắn bó và giữ chân nhân sự có chuyên môn cao, Ban Giám đốc cần thường xuyên rà soát chế độ lương thưởng, phúc lợi của người lao động. Đồng thời, các hoạt động truyền thông nội bộ, gắn kết nhân sự cũng cần được tổ chức đa dạng và hiệu quả.

Phát triển sản phẩm, nghiệp vụ mới

Phát triển sản phẩm, nghiệp vụ mới, đột phá, sáng tạo bên cạnh việc duy trì các nghiệp vụ đang thực hiện cũng là một công tác trọng tâm. Trong năm 2025, HĐQT định hướng tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm giao dịch chứng chỉ quỹ mở, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giao dịch trái phiếu đại chúng (HayBond), phát triển khách hàng thuộc các sản phẩm này thông qua áp dụng các hệ thống giao dịch mới.

Bên cạnh đó, các sản phẩm, nghiệp vụ hiện tại tiếp tục được đẩy mạnh trên nguyên tắc quản lý chặt chẽ rủi ro có thể phát sinh. Tăng cường định hướng quản lý nguồn thu từ dịch vụ môi giới, tự doanh làm nền tảng cho sự phát triển bền vững công ty.

Quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng

Theo dõi sát sao diễn biến thị trường thế giới và trong nước, đồng thời dự báo về biến động rủi ro từ thị trường, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu kinh doanh, cụ thể:

- Xây dựng cơ chế và đẩy mạnh hoạt động độc lập của Ban Kiểm soát, Kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro cũng như các lỗi giao dịch;
- Nâng cấp hệ thống bảo mật lên cấp 3;
- Hội đồng quản trị rút kinh nghiệm và phát huy tối đa năng lực trong quản lý, chỉ đạo và giám sát điều hành, quyết tâm tháo gỡ khó khăn để lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì định hướng phát triển năm 2025, tăng cường giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu tài chính đã đề ra trong năm 2025.

Với những kế hoạch đề ra, HĐQT định hướng thay đổi mạnh mẽ VNSC trong năm 2025 để hướng tới sự thành công.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

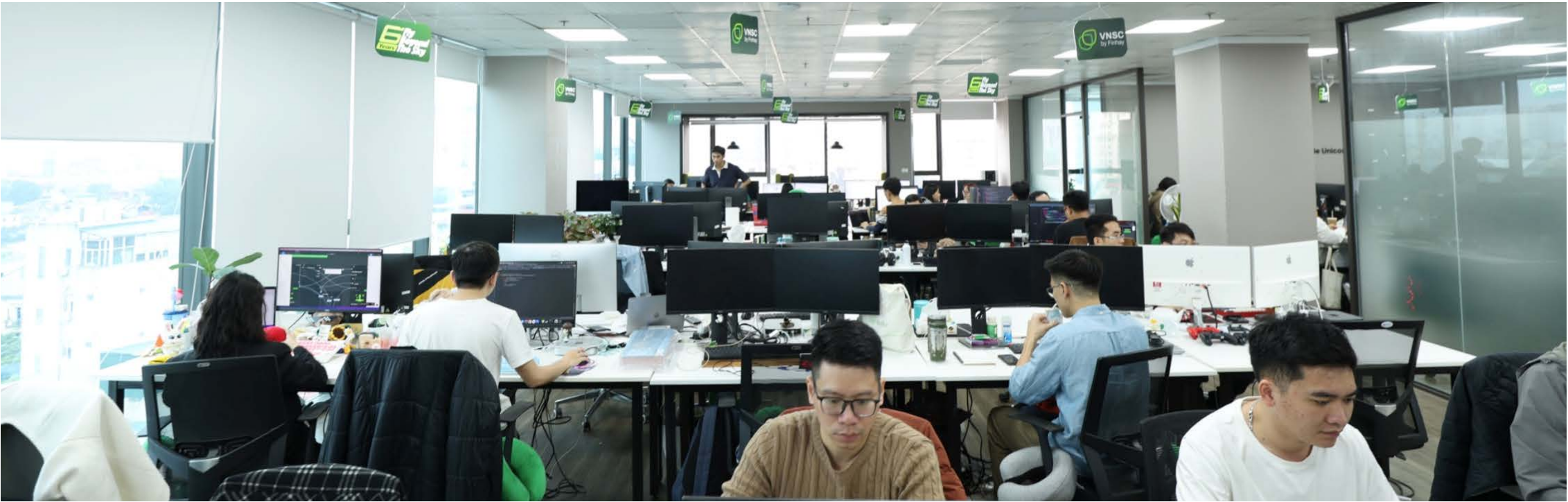
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Nghiêm Xuân Huy	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	136,800	0.24%
2	Na Sung Soo	Thành viên HĐQT <i>(miễn nhiệm kể từ ngày 31/12/2024)</i>	0	0%
3	Ngô Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Nguyễn Quang Ngọc	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Nguyễn Hòa Chung	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Vũ Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT <i>(bổ nhiệm kể từ ngày 31/12/2024)</i>	0	0%

VNSC áp dụng mô hình quản trị theo khoản a, điểm 1, điều 137 Luật Doanh Nghiệp 2020, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Tương tự, quy định hiện hành cũng không yêu cầu bắt buộc có thành viên HĐQT độc lập trong trường hợp này.

Tuy nhiên, VNSC nhận thức rõ tầm quan trọng của tính độc lập trong quản trị doanh nghiệp. Mặc dù không có yêu cầu pháp lý cụ thể, công ty vẫn xem xét các yếu tố như tỷ lệ sở hữu cổ phần, quan hệ với công ty và các giao dịch tài chính để đánh giá tính độc lập của các thành viên HĐQT. Cụ thể, số lượng thành viên độc lập: Hiện tại, HĐQT có 3 thành viên độc lập. Tỷ lệ vốn góp: Các thành viên độc lập có tỷ lệ vốn góp là 0%.

Việc có thành viên HĐQT độc lập, dù không bắt buộc, có thể tăng cường tính khách quan, nâng cao hiệu quả giám sát và cải thiện quản trị rủi ro. Do đó, VNSC khuyến khích việc xem xét bổ nhiệm thành viên HĐQT độc lập để nâng cao chất lượng quản trị, ngay cả khi không có quy định bắt buộc. Công ty sẽ tiếp tục rà soát và đánh giá các tiêu chí độc lập để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của HĐQT.



1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với những thành viên là những người có kinh nghiệm về quản trị, tài chính trong năm 2024, các thành viên của HĐQT đã thực hiện đầy đủ, thường xuyên có các hoạt động giám sát chặt chẽ, cuộc họp lấy ý kiến theo đúng trình tự và quy định, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo theo đúng Điều lệ hoạt động, quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT, VNSC và pháp luật hiện hành thực hiện những kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

- Phê duyệt các kế hoạch kinh doanh, phương án hoạt động năm 2024 do Ban Giám đốc đề xuất trình ĐHĐCĐ thường niên và các ĐHĐCĐ bất thường thông qua.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành:
 - Triển khai, giám sát triển khai việc tổ chức các bộ phận, phòng ban phù hợp với Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
 - Triển khai thủ tục thay đổi địa điểm Văn phòng Đại diện của CTCP Chứng khoán Vina tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - Triển khai thủ tục thành lập Phòng Giao dịch của CTCP Chứng khoán Vina tại Thành phố Hà Nội

- Theo dõi, giám sát hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2024:
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính các quý năm 2024, báo cáo bán niên soát xét năm 2024 và báo cáo thường niên năm 2024 hoàn thành và nộp đúng thời hạn;
- Thông tin công bố luôn đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành.

- Năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A/2024/NQ-VNSC-HĐQT	01/01/2024	Thông qua Quy định về Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina	100%
2	01B/2024/NQ-VNSC-HĐQT	01/01/2024	Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina	100%
3	01/2024/NQ-VNSC-HĐQT	04/01/2024	Thông qua việc thành lập Văn phòng Đại diện của Công ty tại Hà Nội	100%
4	02/2024/NQ-VNSC-HĐQT	29/01/2024	Thông qua việc thành lập Phòng giao dịch Kim Mã	100%
5	03A/2024/NQ-VNSC-HĐQT	04/03/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
6	03B/2024/NQ-VNSC-HĐQT	04/03/2024	Thông qua các vấn đề về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	
7	04/2024/NQ-VNSC-HĐQT	26/03/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
8	05/2024/NQ-VNSC-HĐQT	03/04/2024	Điều chỉnh Nghị quyết số 12/2023/NQ-VN-SC-HĐQT ngày 27/10/2023 phê duyệt giao dịch giữa Eximbank và VNSC	100%
9	06/2024/NQ-VNSC-HĐQT	15/04/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
10	07/2024/NQ-VNSC-HĐQT	16/04/2024	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
11	08/2024/NQ-VNSC-HĐQT	13/05/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
12	09/2024/NQ-VNSC-HĐQT	22/05/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
13	10/2024/NQ-VNSC-HĐQT	06/06/2024	Thông qua triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
14	10A/2024/NQ-VNSC-HĐQT	06/06/2024	Làm rõ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ liên quan đến hoạt động Nguồn vốn của Công ty	100%
15	11/2024/NQ-VNSC-HĐQT	10/07/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
16	12/2024/NQ-VNSC-HĐQT	19/09/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	13/2024/NQ-VNSC-HĐQT	25/09/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
18	14/2024/NQ-VNSC-HĐQT	31/10/2024	Miễn nhiệm Giám đốc vận hành đối với bà Vũ Thanh Vân kể từ ngày 01/11/2024	100%
19	15/2024/NQ-VNSC-HĐQT	08/11/2024	Thông qua giao dịch với Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	100%
20	16/2024/NQ-VNSC-HĐQT	18/11/2024	Thông qua triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
21	6A/2024/NQ-VNSC-HĐQT	18/11/2024	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Na Sungsoo kể từ ngày 18/11/2024 Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nghiêm Xuân Huy kể từ ngày 18/11/2024	100%
22	16B/2024/NQ-VNSC-HĐQT	18/11/2024	Phân giao thực hiện chức năng nhiệm vụ của Trưởng bộ phận Tư vấn đầu tư	100%
23	17/2024/NQ-VNSC-HĐQT	11/11/2024	Thông qua giao dịch cấp tín dụng với Eximbank	100%

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Phi Long	Trưởng BKS	0	0%
2	Bùi Thị Trang	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Xuân Phương	Thành viên BKS (miễn nhiệm kể từ ngày 18/07/2024)	0	0%
4	Nguyễn Phương Thảo	Thành viên BKS (bổ nhiệm kể từ ngày 18/07/2024)	0	0%



2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty như sau:

- Báo cáo giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty và trình kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2024 của Công ty;
- Thẩm tra báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty;

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý của công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ, rõ ràng tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty.



- Các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Vũ Phi Long	2/2	100%	100%
2	Bùi Thị Trang	2/2	100%	100%
3	Nguyễn Xuân Phương	2/2	100%	100%
4	Nguyễn Phương Thảo	0/2	0%	0%

- Ngoài các cuộc họp định kỳ, BKS đã tham gia vào các cuộc họp cùng HĐQT và đóng góp ý kiến để phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu để vừa tuân thủ quy định hiện hành, vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích
Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina, mức thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là trong năm là 120.000.000 đồng bằng 100% so với phương án trả thù lao dự kiến cho năm 2024.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ XH	Công ty do ông Nguyễn Xuân Huy giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0%	145,800	0.26%	Nhận chuyển nhượng cổ phần từ Bà Vũ Thanh Vân

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	Công ty do ông Nguyễn Xuân Huy giữ chức vụ thành viên HĐQT	0107748373 06/03/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Tầng 8, Tòa nhà Capital Building, Số 58 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	27/03/2024	Số 04/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ tiền gửi - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 26,000,000,000 VNĐ	
2					15/04/2024	Số 06/2024-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển nhượng Trái phiếu niêm yết - Giá trị giao dịch: 10,461,200,000 VNĐ	
3					13/05/2024	Số 08/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển nhượng Trái phiếu niêm yết - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 16,600,000,000 VNĐ	
4					24/05/2024	Số 09/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển nhượng Trái phiếu niêm yết - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 29,900,000,000 VNĐ	

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ⁽¹⁾

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
5					10/07/2024	Số 11/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Thông qua giao dịch chuyển nhượng Trái phiếu niêm yết - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 8,126,000,000 VNĐ	
6					19/09/2024	Số 12/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	Nội dung: 1. Thông qua giao dịch chuyển nhượng Trái phiếu niêm yết Giá trị giao dịch: Không vượt quá 21,633,000,000 VNĐ 2. Định chính thông tin giao dịch theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-VN-SC-HĐQT (Định chính thông tin Mã Trái phiếu giao dịch)	
7					26/09/2024	Số 13/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ tiền gửi - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 20,538,000,000 VNĐ	
8					08/11/2024	Số 15/2024/NQ-VN-SC-HĐQT	- Nội dung: Phê duyệt giao dịch chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ tiền gửi - Giá trị giao dịch: Không vượt quá 30,785,000,000 VNĐ	

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VNSC cam kết tuân thủ các thông lệ quản trị công ty tốt nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam. Điều này bao gồm việc tuân thủ các quy định về:

- Luật Doanh nghiệp: luật cơ bản điều chỉnh hoạt động của các công ty tại Việt Nam, bao gồm các quy định về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp.
- Luật Chứng khoán: quy định các chuẩn mực về công bố thông tin, quản trị công ty và bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.
- Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam: Bộ quy tắc này do Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam ban hành năm 2019 và được dựa trên những nguyên tắc từ OECD.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các quy định, quy trình nội bộ đã được ban hành.

4. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

4.1 Các rủi ro trong kinh doanh của VNSC

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, VNSC phải đối mặt với rất nhiều loại rủi ro khác nhau, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty, trong đó bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro thanh khoản, rủi ro vận hành và rủi ro pháp lý.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường, bao gồm biến động giá chứng khoán, lãi suất, tỷ giá và các yếu tố vĩ mô khác, có thể tác động đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của VNSC. Để giảm thiểu tác động này, VNSC không ngừng nghiên cứu, phân tích và dự báo các xu hướng thị trường, đồng thời áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro phù hợp. VNSC cũng thiết lập các giới hạn rủi ro cho từng hoạt động kinh doanh, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư và hạn chế tối đa thiệt hại tiềm ẩn.

Rủi ro tín dụng

VNSC đối mặt với rủi ro tín dụng trong các hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý nguồn vốn và cho vay ký quỹ. Để quản lý rủi ro này, VNSC áp dụng quy trình thẩm định đối tác chặt chẽ, lựa chọn các định chế tài chính uy tín, có năng lực tài chính vững mạnh. Đồng thời, VNSC thiết lập hạn mức tín dụng cho từng khách hàng và từng mã chứng khoán, được quản lý tự động trên hệ thống công nghệ thông tin hiện đại.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể gây ra khó khăn cho VNSC trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính đúng hạn. Để đảm bảo thanh khoản, VNSC kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, duy trì tỷ lệ dự trữ tiền mặt hợp lý, và chủ động xây dựng các phương án dự phòng cho các tình huống bất ngờ.

Rủi ro vận hành

Rủi ro vận hành, bao gồm lỗi hệ thống, lỗi quy trình và lỗi con người, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNSC. Để giảm thiểu rủi ro này, VNSC không ngừng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, và đầu tư vào công nghệ thông tin. VNSC cũng chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tuân thủ các quy định.

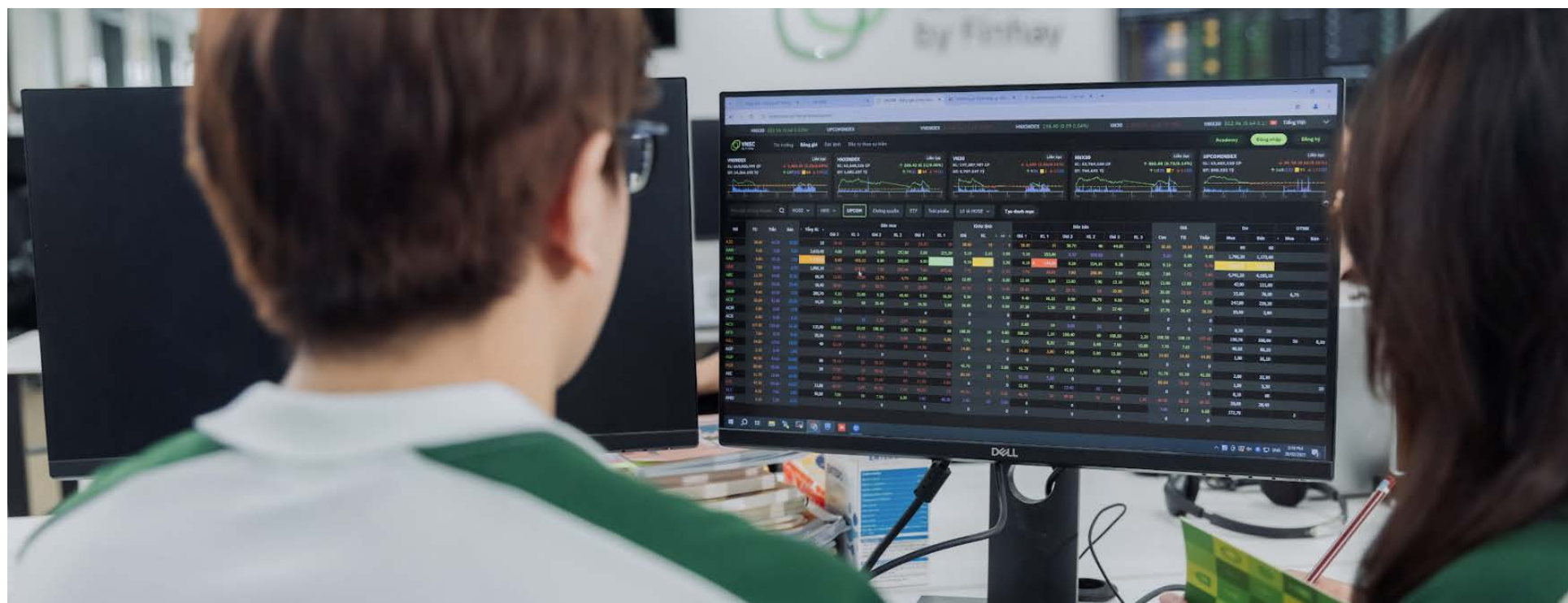
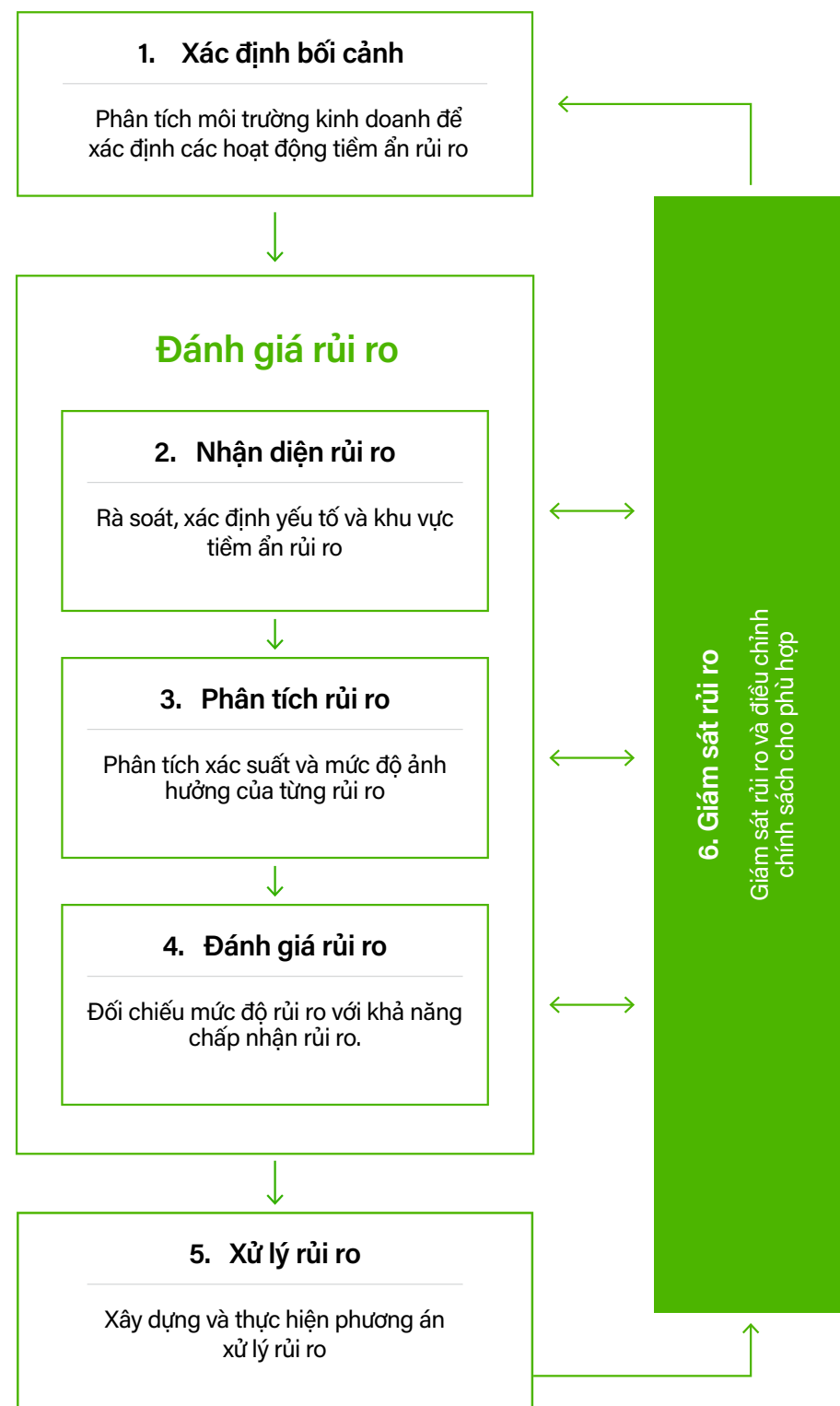
Rủi ro pháp lý

VNSC tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành và chủ động cập nhật những thay đổi trong khung pháp lý. Bộ phận Pháp chế và Tuân thủ của VNSC có trách nhiệm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, đồng thời đề xuất các điều chỉnh quy trình vận hành phù hợp với các quy định mới.



4.2 Quy trình quản trị rủi ro

Từ việc nhận diện được đầy đủ các thách thức trên, VNSC ý thức rõ ràng về tầm quan trọng của quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Công ty không ngừng nỗ lực để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, áp dụng quy trình bài bản và các biện pháp hiệu quả để kiểm soát rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.



Hoạt động quản trị rủi ro tại VNSC hiện đang được thực hiện đầy đủ các bước sau:

Bước 1: Xác định bối cảnh:

Công ty tiến hành xác định các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ, và những tình huống có thể tiềm ẩn rủi ro. Quá trình này bao gồm việc phân tích cả môi trường bên trong doanh nghiệp (nội lực, quy trình, nguồn lực...) lẫn môi trường bên ngoài (kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý...). Mục tiêu là thiết lập một bức tranh tổng quan và toàn diện về bối cảnh hoạt động, tạo tiền đề cho các bước tiếp theo.

Bước 2: Nhận diện rủi ro:

Công ty chủ động rà soát và xác định các yếu tố chỉ báo rủi ro, các khu vực tiềm ẩn rủi ro trong mọi hoạt động kinh doanh. Nguồn dữ liệu đa dạng được sử dụng để nhận diện rủi ro, bao gồm: cơ sở dữ liệu về các rủi ro đã xảy ra, phân tích xu hướng rủi ro, thay đổi trong hoạt động kinh doanh, khuyến nghị từ các bên liên quan, biến động môi trường kinh doanh và pháp lý, cũng như các yếu tố bên ngoài tác động đến hoạt động kinh doanh.

Bước 3: Phân tích rủi ro:

Công ty phân tích đặc điểm của các rủi ro đã được nhận diện, bao gồm xác suất xảy ra rủi ro và mức độ ảnh hưởng trong trường hợp rủi ro xảy ra. Việc phân tích này có thể được thực hiện định tính (dựa trên kinh nghiệm và đánh giá chuyên gia) hoặc định lượng (sử dụng các phương pháp thống kê và mô hình hóa).

Bước 4: Đánh giá rủi ro:

Công ty đối chiếu đặc điểm của rủi ro với hạn mức rủi ro và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty để kết luận liệu mức độ ảnh hưởng của rủi ro có ở mức chấp nhận được hay không. Hạn mức rủi ro thể hiện giới hạn mức độ rủi ro mà Công ty có thể chịu đựng, trong khi mức độ chấp nhận rủi ro phản ánh khẩu vị rủi ro của Công ty.

Bước 5: Xử lý và ứng phó rủi ro:

Công ty xây dựng phương án xử lý, ứng phó rủi ro và thực hiện phương án, dựa trên 4 nhóm phương án chính: chấp nhận rủi ro, loại bỏ rủi ro, giảm thiểu rủi ro và chia sẻ rủi ro. Việc lựa chọn phương án nào sẽ phụ thuộc vào kết quả phân tích và đánh giá rủi ro, cũng như các yếu tố khác như chi phí và nguồn lực.

Bước 6: Giám sát rủi ro:

Công ty thực hiện giám sát rủi ro một cách liên tục và định kỳ. Các chính sách quản trị rủi ro và phương án xử lý với từng rủi ro cần được xem xét lại để đảm bảo luôn phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty và những thay đổi của môi trường kinh doanh.

4.3 Kế hoạch thực hiện Quản trị rủi ro trong năm 2025

Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2025 của VNSC được xây dựng dựa trên những dự báo về tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán, với mục tiêu chủ động phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, đồng thời nắm bắt cơ hội kinh doanh.

Dự báo kinh tế thế giới năm 2025 cho thấy sẽ có nhiều biến động khó lường bởi các mối căng thẳng về địa chính trị hiện hữu, cũng như xảy ra nguy cơ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Điều này dẫn đến lạm phát có thể vẫn duy trì ở mức cao, đòi hỏi các ngân hàng trung ương thận trọng trong các chính sách tiền tệ; đồng thời cũng sẽ dẫn đến các áp lực về tỷ giá đối với Việt Nam, cũng như tác động tiêu cực đến dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng tích cực nhờ vào sự hỗ trợ từ các chính sách của Chính phủ nhằm đẩy mạnh các hoạt động đầu tư công và tạo động lực cho đầu tư tư nhân, tiêu dùng nội địa. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam có thêm các kỳ vọng tích cực nhờ vào các kế hoạch triển khai nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống pháp lý, hướng tới sớm đáp ứng đầy đủ các điều kiện nâng hạng thị trường.

Đứng trước một năm 2025 có nhiều cơ hội và thách thức đan xen, VNSC sẽ tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2025:

- Tăng cường giám sát và phân tích các biến động kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ, tài khóa, cũng như các yếu tố chính trị và xã hội, để kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh.
- củng cố hệ thống quản lý rủi ro tín dụng, đặc biệt là trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đảm bảo duy trì các tỷ lệ về an toàn tài chính.
- Duy trì mức độ thanh khoản cao, đa dạng hóa danh mục đầu tư, và tối ưu hóa việc sử dụng vốn.
- Cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo hoạt động kinh doanh minh bạch và bền vững.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá và cập nhật hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình nghiệp vụ, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành. Điều này sẽ giúp VNSC chủ động phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động, và đảm bảo sự phát triển bền vững trong dài hạn.



07

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ SỞ HỮU**



1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành:

55,859,998 Cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:

0 Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 55,859,998 cổ phần
Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
Cổ phần khác: 0 cổ phần

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Tổng số lượng cổ phần	3	55,859,998	100%
	Cổ đông sáng lập	0	0	0%
	Cổ đông lớn	1	55,577,398	99.49%
	Cổ đông khác	2	282,600	0.51%
2	Trong đó			
2.1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
2.2	Cổ đông trong nước	3	55,859,998	100%
	Tổ chức	2	55,723,198	99.76%
	Cá nhân	1	136,800	0.24%
2.3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
3	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	100%		

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời gian	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Giá trị tăng vốn (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)
29/12/2006	45		-	45
03/2009	45	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	55	100
10/2010	100	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	85	185
09/2019	185	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	88.599	273.599
19/01/2022	273.599	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	85	358.599
18/10/2022	358.599	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	200	558.599

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không

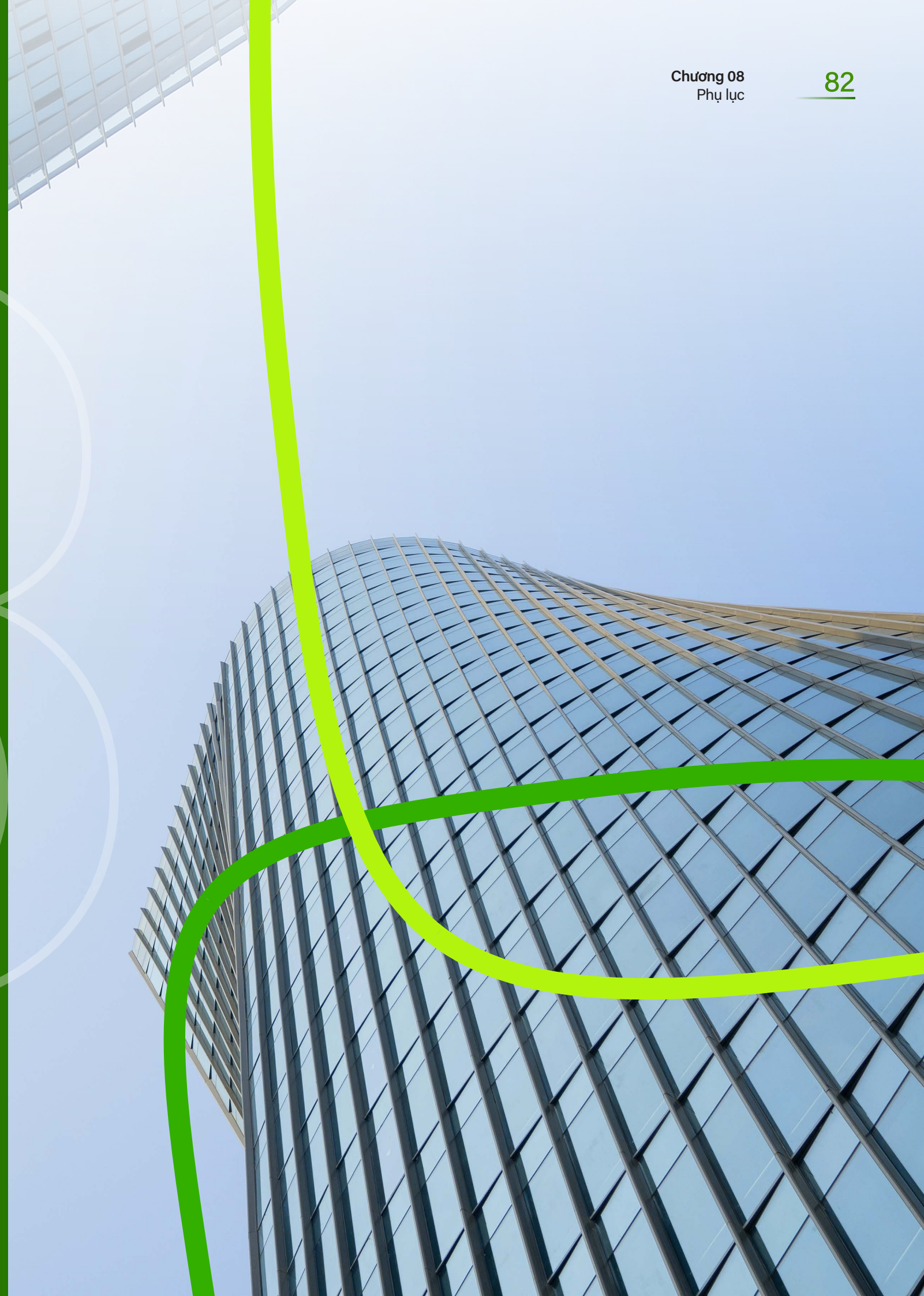
Các chứng khoán khác: Không

5. Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2024: Chấp thuận toàn phần.
Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024: Theo file đính kèm./.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102122617 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 06 tháng 7 năm 2023, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 99/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 10 năm 2022 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 45.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 558.599.980.000 VND.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội và văn phòng đại diện tại Tầng 8, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và phòng giao dịch Kim Mã tại tầng 1, 8 Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) văn phòng đại diện và một (01) phòng giao dịch.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 55 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nghiêm Xuân Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2021
Ông Ngô Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 09 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 09 năm 2021
Ông Nguyễn Hòa Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 09 năm 2021
Ông Na SungSoo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 07 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2024
Bà Vũ Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Phi Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Xuân Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 07 năm 2024
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2023
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 07 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nghiêm Xuân Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2024
Ông Na Sung Soo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2024
Bà Vũ Thanh Vân	Giám đốc vận hành	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2024
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Nghiêm Xuân Huy – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo.

PHÊ DUYỆT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nghiêm Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13425510/E-68514023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 06 đến trang 61, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		297.577.473.236	255.389.799.886
110	I. Tài sản tài chính		293.863.042.694	253.155.863.288
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	25.310.235.795	7.775.754.534
111.1	1.1. Tiền		19.310.235.795	7.775.754.534
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	148.513.021.216	178.962.865.753
114	3. Các khoản cho vay	7.3	105.834.818.593	62.892.816.295
117	4. Các khoản phải thu		3.225.510.055	2.521.308.325
117.2	4.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	3.225.510.055	2.521.308.325
117.4	4.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.225.510.055	2.521.308.325
118	5. Trả trước cho người bán	8	1.828.000.000	942.442.383
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	9.102.305.998	43.966.894
122	7. Các khoản phải thu khác	8	49.151.037	16.709.104
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	3.714.430.542	2.233.936.598
131	1. Tạm ứng		30.368.611	45.089.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.623.061.931	2.151.147.598
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		61.000.000	37.700.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.156.914.863	47.317.100.618
220	I. Tài sản cố định		10.175.025.542	12.573.073.401
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.588.221.806	8.335.663.065
222	1.1. Nguyên giá		10.863.647.100	10.750.759.100
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.275.425.294)	(2.415.096.035)
v227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.586.803.736	4.237.410.336
228	2.1. Nguyên giá		5.062.078.108	5.062.078.108
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.475.274.372)	(824.667.772)
250	II. Tài sản dài hạn khác		31.981.889.321	34.744.027.217
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	1.038.890.950	177.641.089
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.508.478.746	34.446.386.128
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.2	56.773.985	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	377.745.640	120.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		339.734.388.099	302.706.900.504

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.298.913.444	3.157.604.415
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		62.298.913.444	3.157.604.415
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	49.000.000.000	-
312	1.1. Vay ngắn hạn		49.000.000.000	-
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	213.282.618	128.584.199
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	8.099.540.555	950.880.658
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	861.876.003	355.523.154
323	5. Phải trả người lao động		1.826.357.856	1.302.789.489
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		46.050.000	14.592.000
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	2.162.345.787	390.253.694
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	89.460.625	14.981.221
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.435.474.655	299.549.296.089
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	277.435.474.655	299.549.296.089
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		558.599.980.000	558.599.980.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		558.599.980.000	558.599.980.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		558.599.980.000	558.599.980.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		254.998.000	254.998.000
417	3. Lỗ chưa phân phối	22.1	(281.419.503.345)	(259.305.681.911)
417.1	4.1. Lỗ đã thực hiện		(281.192.407.406)	(259.997.906.569)
417.2	4.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(227.095.939)	692.224.658
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		339.734.388.099	302.706.900.504

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	22.3	55.859.998	55.859.998
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) của CTCK	23.1	95.894.500.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	23.2	50.000.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) của Nhà đầu tư	23.3	1.169.285.194.200	391.782.290.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.144.281.674.200	381.870.150.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		9.223.410.000	-
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		15.780.110.000	9.912.140.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23.4	2.516.040.000	483.880.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.516.040.000	483.880.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23.5	17.331.831.200	14.904.330.000
026	Tiền gửi của khách hàng		101.124.679.561	55.828.703.706

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.6	74.256.753.084	41.145.989.608
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.6	26.772.899.875	14.436.810.144
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		26.772.041.141	14.436.810.144
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		858.734	-
30	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		95.026.602	245.903.954
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	101.029.652.959	55.582.799.752
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		101.029.652.959	55.582.799.752
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	23.8	95.026.602	245.903.954

Bà Phan Thị Kim Chi
Người lập

Bà Trần Thị Lan Anh
Kế toán Trưởng

Ông Nghiêm Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiểm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01.1	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		17.136.587.147	12.458.860.415
01.2	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	10.268.896.288	9.969.861.784
01.3	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(492.034.709)	692.224.658
02	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	7.359.725.568	1.796.773.973
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	24.3	485.770.913	7.073.256.381
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	13.484.930.432	1.697.590.366
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		7.578.721.743	2.585.344.790
07	5. Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		9.881.818.182	-
08	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		128.799.000	-
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		235.763.207	75.327.092
11	8. Thu nhập hoạt động khác	25	445.494.285	100.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		49.377.884.909	23.890.479.044
21	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21.1	1. Lỗ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		1.006.145.198	158.665.000
21.2	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	506.686.615	158.665.000
21.3	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	484.059.873	-
26	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		15.398.710	-
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh		45.753.628	24.130.000
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26	27.093.963.483	10.518.769.327
28	4. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	26	8.872.727.273	-
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	26	133.783.615	-
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26	240.505.306	75.166.574
40	Cộng chi phí hoạt động	26	37.392.878.503	10.776.730.901
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	-
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	27	33.277.416	60.635.322
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		33.277.416	60.635.322

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
52	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH Chi phí lãi vay	28	1.718.534.241 1.718.534.241	- -
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	151.248.418
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	32.473.022.489	10.517.602.367
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(22.173.272.908)	2.505.532.680
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác	30	2.706.392	10.248
72	Chi phí khác	30	28.903	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		2.677.489	10.248
90	IX. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(22.170.595.419)	2.505.542.928
91	(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(21.194.500.837)	1.813.318.270
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(976.094.582)	692.224.658
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	31	(56.773.985)	-
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(56.773.985)	-
200	XI. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(22.113.821.434)	2.505.542.928
501	(LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	32	(397)	45


Bà Phan Thị Kim Chi
Người lập


Bà Trần Thị Lan Anh
Kế toán Trưởng


Ông Nguyễn Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế TNDN		(22.170.595.419)	2.505.542.928
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.806.734.129	(483.415.796)
03	Khấu hao tài sản cố định		2.510.935.859	2.037.892.529
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	-
08	Dự thu tiền lãi		(704.201.730)	(2.521.308.325)
10	3. Tăng các doanh thu phi tiền tệ		484.059.873	-
11	Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua Lãi FVTPL		484.059.873	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		492.034.709	(692.224.658)
19	Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi FVTPL		492.034.709	(692.224.658)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(19.387.766.708)	1.329.902.474
31	Tăng/(giảm) tài sản tài chính FVTPL		29.473.749.955	(18.782.608.207)
33	Tăng các khoản cho vay		(42.942.002.298)	(62.892.816.295)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	1.575.644.257
37	(Tăng)/Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(9.058.339.104)	5.151.465.055
39	Tăng các khoản phải thu khác		(32.441.933)	(16.127.104)
40	(Giảm)/Tăng các tài sản khác		(1.127.575.112)	1.484.935.735
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.772.092.093	-
42	Tăng/(Giảm) chi phí trả trước		2.465.993.049	(35.743.633.385)
43	Thuế TNDN đã nộp		-	-
45	Tăng phải trả cho người bán		6.347.800.699	1.442.218.551
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		31.458.000	14.592.000
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		506.352.849	297.346.142
48	Tăng phải trả người lao động		523.568.367	745.155.832
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		74.479.404	-
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(31.352.630.739)	(105.393.924.945)

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(112.888.000)	(7.051.632.308)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	-
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(112.888.000)	(7.051.632.308)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc		267.594.500.000	-
73.2	Tiền vay khác		267.594.500.000	-
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(218.594.500.000)	-
74.2	Tiền chi trả gốc vay khác		(218.594.500.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		49.000.000.000	-
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		17.534.481.261	(112.445.557.253)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	7.775.754.534	120.221.311.787
101.1	Tiền		7.775.754.534	4.221.311.787
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	116.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	25.310.235.795	7.775.754.534
103.1	Tiền		19.310.235.795	7.775.754.534
103.2	Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	-

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		300.788.579.262	115.841.046.590
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(910.560.097.642)	(296.170.264.140)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		3.851.094.026.950	1.904.090.168.675
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(3.195.639.892.156)	(1.668.289.818.540)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(235.763.207)	(75.327.092)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		20.465.162.978	2.091.200.954
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(20.616.040.330)	(1.845.297.000)
20	Tăng tiền thuần trong năm		45.295.975.855	55.641.709.447
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		55.828.703.706	186.994.259
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		55.828.703.706	186.994.259
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		41.145.989.608	186.994.259
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		14.436.810.144	-
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		245.903.954	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		101.124.679.561	55.828.703.706
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		101.124.679.561	55.828.703.706
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.6	74.256.753.084	41.145.989.608
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.6	26.772.899.875	14.436.810.144
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	23.8	95.026.602	245.903.954


Bà Phan Thị Kim Chi
Người lập


Bà Trần Thị Lan Anh
Kế toán Trưởng


Ông Nghiêm Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc



Stamp: S.G.P: 50 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA Đ. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Năm trước		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		297.043.753.161	299.549.296.089	2.505.542.928	-	428.465.944	22.542.287.378
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		558.599.980.000	558.599.980.000	-	-	-	-
1.1. Cổ phiếu phổ thông	22.2	558.599.980.000	558.599.980.000	-	-	-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		254.998.000	254.998.000	-	-	-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-
5. Lỗ chưa phân phối		(261.811.224.839)	(259.305.681.911)	2.505.542.928	-	428.465.944	22.542.287.378
5.1. Lỗ đã thực hiện	22.1	(261.811.224.839)	(259.997.906.569)	1.813.318.270	-	-	21.194.500.837
5.2. Lỗ chưa thực hiện	22.1	-	692.224.658	692.224.658	-	428.465.944	1.347.786.541
TỔNG CỘNG		297.043.753.161	299.549.296.089	2.505.542.928	-	428.465.944	22.542.287.378
						299.549.296.089	277.435.474.655

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Năm trước		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC							
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")		-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		297.043.753.161	299.549.296.089	2.505.542.928	-	428.465.944	22.542.287.378
						299.549.296.089	277.435.474.655



[Signature]

Bà Phan Thị Kim Chi
Người lập

[Signature]

Bà Trần Thị Lan Anh
Kế toán Trưởng

Ông Nghiêm Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiểm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



II. CHỈ TIÊU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102122617 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 06 tháng 7 năm 2023, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 99/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 10 năm 2022 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 45.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 558.599.980.000 VND.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội và văn phòng đại diện tại Tầng 8, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và phòng giao dịch Kim Mã tại tầng 1, 8 Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) văn phòng đại diện và một (01) phòng giao dịch.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 55 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 558.599.980.000 VND, vốn chủ sở hữu là 277.435.474.655 VND và tổng tài sản là 339.734.388.099 VND.

Mục tiêu đầu tư

Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

► Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

► Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

► Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

► Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

► Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

► Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

► Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

► Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

► Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.
- 19

20

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của Tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4.5 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
Phần mềm	03 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến năm (05) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí thuê phần mềm;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.13 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.15 Lợi ích của nhân viên****4.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 1 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các quỹ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa có kế hoạch về việc xử lý số dư các quỹ nói trên.

4.22 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các Nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.23 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền	19.310.235.795	7.775.754.534
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.310.235.795	7.775.754.534
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	6.000.000.000	-
Tổng cộng	25.310.235.795	7.775.754.534

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	2.641.809	273.790.870.483
- Cổ phiếu	56.734	1.250.367.150
- Trái phiếu	2.585.075	272.540.503.333
b. Của Nhà đầu tư	319.742.818	8.427.099.880.172
- Cổ phiếu	281.621.567	6.318.481.657.120
- Trái phiếu	19.520.464	2.058.995.036.582
- Chứng quyền	16.417.788	6.579.908.660
- Chứng chỉ quỹ niêm yết	2.182.999	43.043.277.810
Tổng cộng	322.384.627	8.700.890.750.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM"), các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính FTVPL

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu niêm yết	91.497.148.615	91.157.534.691	56.522.150.000	57.214.374.658
Tập đoàn Vingroup - CTCP	-	-	34.973.750.000	35.642.969.178
CTCP Chứng khoán VNDirect	-	-	21.548.400.000	21.571.405.480
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	40.722.028.615	40.237.968.742	-	-
Trái phiếu Chính phủ	50.775.120.000	50.919.565.949	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	50.000.000.000	50.000.000.000	50.887.450.000	50.887.450.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP	-	-	50.887.450.000	50.887.450.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	6.054.520.525	6.054.520.525	70.861.041.095	70.861.041.095
Chứng chỉ quỹ	1.245.222.000	1.300.966.000	-	-
Tổng cộng	148.796.891.140	148.513.021.216	178.270.641.095	178.962.865.753

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Chênh lệch đánh giá		Chênh lệch đánh giá	
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Trái phiếu	91.497.148.615	144.445.949	(484.059.873)	91.157.534.691
niêm yết	-	-	-	56.522.150.000
Trái phiếu	50.000.000.000	-	-	50.887.450.000
chưa niêm	-	-	-	-
yết	6.054.520.525	-	-	70.861.041.095
Chứng chỉ	1.245.222.000	55.744.000	-	-
tiền gửi	-	-	-	-
Chứng chỉ	-	-	-	-
quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng	148.796.891.140	200.189.949	(484.059.873)	148.513.021.216
				178.270.641.095
				692.224.658
				-
				178.962.865.753

7.3 Các khoản cho vay

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
Cho vay hoạt động ký quỹ	93.817.824.970	93.817.824.970	57.051.182.979	57.051.182.979
Cho vay hoạt động ứng trước	12.016.993.623	12.016.993.623	5.841.633.316	5.841.633.316
tiền bán của khách hàng				
Tổng cộng	105.834.818.593	105.834.818.593	62.892.816.295	62.892.816.295

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	3.225.510.055	2.521.308.325
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.225.510.055	2.521.308.325
2. Trả trước cho người bán	1.828.000.000	942.442.383
3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	232.305.998	43.966.894
Trong đó: Phải thu khó đòi	-	-
4. Phải thu hoạt động bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	8.870.000.000	-
5. Các khoản phải thu khác	49.151.037	16.709.104
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-
Tổng cộng	14.204.967.090	3.524.426.706

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tạm ứng	30.368.611	45.089.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.623.061.931	2.151.147.598
- Chi phí công cụ, dụng cụ	6.031.305	9.298.213
- Chi phí thuê kênh truyền dữ liệu phục vụ hoạt động môi giới	291.247.863	286.302.280
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.325.782.763	1.855.547.105
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.000.000	37.700.000
Tổng cộng	3.714.430.542	2.233.936.598

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.632.416.909	10.750.759.100
Mua trong năm	68.888.000	112.888.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.701.304.909	10.863.647.100
Giá trị hao mòn lũy kế		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.752.900.337	2.415.096.035
Khấu hao trong năm	1.541.895.054	1.860.329.259
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.294.795.391	4.275.425.294
Giá trị còn lại		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	5.879.516.572	8.335.663.065
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.406.509.518	6.588.221.806
Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:		
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	353.020.909	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.628.680.900	433.397.208	5.062.078.108
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.628.680.900	433.397.208	5.062.078.108
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	819.774.578	4.893.194	824.667.772
Hao mòn trong năm	563.927.156	86.679.444	650.606.600
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.383.701.734	91.572.638	1.475.274.372
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.808.906.322	428.504.014	4.237.410.336
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.244.979.166	341.824.570	3.586.803.736
Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:			
	Đơn vị tính: VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	521.680.900	183.680.900	

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ký quỹ, đặt cọc dịch vụ thuê văn phòng	1.038.890.950	177.641.089
Tổng cộng	1.038.890.950	177.641.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ	95.959.848	152.763.238
Chi phí trả trước dài hạn về thuê kênh	10.371.429	42.240.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.402.147.469	34.251.382.890
Chi phí phần mềm (1)	30.373.727.469	34.174.242.890
Chi phí kiểm tra, đánh giá lỗ hổng an ninh mạng	28.420.000	77.140.000
Tổng cộng	30.508.478.746	34.446.386.128

(1) Số dư chi phí thuê phần mềm trả trước cho Công ty Cổ phần Finhay. Chi phí thuê phần mềm được phân bổ theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1 - từ ngày 05 tháng 04 năm 2023 đến ngày 04 tháng 01 năm 2024 – tổng giá trị phân bổ là 900.000.000 VND. Giai đoạn 2 - từ ngày 05 tháng 01 năm 2024 đến ngày 04 tháng 01 năm 2033 – tổng giá trị phân bổ là 34.128.000.000 VND.

14. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	257.745.640	-
Tổng cộng	377.745.640	120.000.000

15. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Đơn vị tính: VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính FVTPL – tính theo mệnh giá			Các khoản vay ngắn hạn
- Trái phiếu chưa niêm yết	50.000.000.000	-	
Tổng cộng	50.000.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Đơn vị tính: VND
Vay ngắn hạn bằng VND	3,00% - 4,30%	-	267.594.500.000	218.594.500.000	49.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-	147.000.000.000	98.000.000.000	49.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		-	70.000.000.000	70.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam		-	50.594.500.000	50.594.500.000	-	
Tổng cộng (*)		-	267.594.500.000	218.594.500.000	49.000.000.000	

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội	189.375.288	114.293.584
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	23.907.330	14.290.615
Tổng cộng	213.282.618	128.584.199

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần FIG Capital	8.000.000.000	-
Phải thu người bán khác	99.540.555	950.880.658
Tổng cộng	8.099.540.555	950.880.658

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số phải nộp	Số đã nộp	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	-	1.071.133.099	926.266.762	144.866.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	355.523.154	6.067.834.337	5.706.347.825	717.009.666
Thuế TNCN từ tiền lương tiền công	187.869.788	2.542.010.665	2.450.068.665	279.811.788
Thuế TNCN nhà đầu tư	167.653.366	3.525.823.672	3.256.279.160	437.197.878
Thuế nhà thầu	-	-	-	-
Tổng cộng	355.523.154	7.138.967.436	6.632.614.587	861.876.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng	5.772.603	-
Chi phí trích trước phí quản lý	2.156.573.184	390.253.694
Tổng cộng	2.162.345.787	390.253.694

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí giới thiệu, tiền thưởng khách hàng	18.896.308	9.721.101
Trích trước tiền dịch vụ	28.882.223	-
Phí hoa hồng phải trả cho cộng tác viên	32.682.094	-
Phí dịch vụ tư vấn đầu tư	2.000.000	-
Chi phí trích nộp quỹ hưu trí cho nhân viên	7.000.000	-
Các khoản khác	-	5.260.120
Tổng cộng	89.460.625	14.981.221

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lỗ đã thực hiện	(281.192.407.406)	(259.997.906.569)
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(227.095.939)	692.224.658
Tổng cộng	(281.419.503.345)	(259.305.681.911)

B09-CTCK

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	558.599.980.000	-	-	-	254.998.000
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	558.599.980.000	-	-	-	254.998.000
					(22.113.821.434)
					(22.113.821.434)
					299.549.296.089
					(22.113.821.434)
					277.435.474.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.3 Cổ phiếu	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	55.859.998	55.859.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.859.998	55.859.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	55.859.998	55.859.998
- Cổ phiếu phổ thông	55.859.998	55.859.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.859.998	55.859.998
- Cổ phiếu phổ thông	55.859.998	55.859.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Tài sản tài chính niêm yết/lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán ("VSDC") của CTCK	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	95.894.500.000	-
Tổng cộng	95.894.500.000	-
23.2 Tài sản tài chính chưa niêm yết/lưu ký tại VSDC của CTCK	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trái phiếu	50.000.000.000	-
Tổng cộng	50.000.000.000	-
23.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.144.281.674.200	381.870.150.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	9.223.410.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	15.780.110.000	9.912.140.000
Tổng cộng	1.169.285.194.200	391.782.290.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.516.040.000	483.880.000
Tổng cộng	2.516.040.000	483.880.000

23.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền	17.331.831.200	14.904.330.000

23.6 Tiền gửi Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.256.753.084	41.145.989.608
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.256.753.084	41.145.989.608
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	26.772.899.875	14.436.810.144
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	26.772.041.141	14.436.810.144
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	858.734	-
Tổng cộng	101.029.652.959	55.582.799.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.7 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	101.028.794.225	55.582.799.752
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	858.734	-
Tổng cộng	101.029.652.959	55.582.799.752

23.8 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	95.026.602	245.903.954

23.9 Phải trả CTCK của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả nghiệp vụ margin		
Phải trả gốc margin (Thuyết minh 7.3)	93.817.824.970	57.051.182.979
- Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước	93.817.824.970	57.051.182.979
- Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả lãi margin	1.186.654.488	724.534.352
- Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước	1.186.654.488	724.534.352
- Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	12.016.993.623	5.841.633.316
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà Đầu tư trong nước	12.016.993.623	5.841.633.316
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà Đầu tư nước ngoài	-	-
Tổng cộng	107.021.473.081	63.617.350.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND		Đơn vị tính: VND
						Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND	
I	LÃI BÁN							
1	Trái phiếu niêm yết	2.363.065		107.623	254.320.937.815	251.034.548.697	3.286.389.118	-
2	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	500		104.448.176	52.224.088.000	50.000.000.000	2.224.088.000	1.836.448.800
3	Chứng chỉ tiền gửi	25.095		5.827.831	146.249.430.845	141.491.011.675	4.758.419.170	8.133.412.984
	Tổng cộng	2.388.660		110.383.630	452.794.456.660	442.525.560.372	10.268.896.288	9.969.861.784
II	LỖ BÁN							
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	-		-	-	-	-	(158.665.000)
2	Trái phiếu niêm yết	1.440.000		107.236	154.419.290.000	154.460.970.000	(41.680.000)	-
3	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	50.000		1.000.000	50.000.000.000	50.446.354.110	(446.354.110)	-
4	Chứng chỉ tiền gửi	40		518.801.370	20.752.054.795	20.770.707.300	(18.652.505)	-
	Tổng cộng	1.490.040		519.908.605	225.171.344.795	225.678.031.410	(506.686.615)	(158.665.000)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại năm nay	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại năm trước	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
						Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm	Chênh lệch tăng		
I	Loại FVTPL								
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.245.222.000	1.300.966.000	55.744.000	-	55.744.000	55.744.000	-	-
2	Trái phiếu niêm yết	91.497.148.615	91.157.534.691	(339.613.924)	692.224.658	(1.031.838.582)	-	(339.613.924)	-
3	Trái phiếu chưa niêm yết	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	-	-
4	Chứng chỉ tiền gửi	6.054.520.525	6.054.520.525	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	148.796.891.140	148.513.021.216	(283.869.924)	692.224.658	(976.094.582)	55.744.000	(339.613.924)	

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

(492.034.709)
484.059.873
(976.094.582)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	7.359.725.568	1.796.773.973
Từ tài sản tài chính HTM	485.770.913	7.073.256.381
Từ các khoản cho vay và phải thu	13.484.930.432	1.697.590.366
Tổng cộng	21.330.426.913	10.567.620.720

25. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phí dịch vụ tài chính khác	439.572.463	100.000
Lãi tiền gửi Quý hỗ trợ thanh toán	5.921.822	-
Tổng cộng	445.494.285	100.000

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	27.093.963.483	10.518.769.327
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	8.872.727.273	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	240.505.306	75.166.574
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	133.783.615	-
Tổng cộng	36.340.979.677	10.593.935.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	2.546.229.837	1.555.023.661
Chi phí hoạt động lưu ký	240.505.306	75.166.574
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	11.918.432.236	4.290.846.257
Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí Công đoàn	739.716.000	372.790.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.172.416.668	1.077.759.739
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.358.344.765	975.432.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.091.277.932	2.241.628.593
Chi phí đại lý phát hành	8.872.727.273	-
Chi phí khác	401.329.660	5.288.575
Tổng cộng	36.340.979.677	10.593.935.901

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định		
- Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.277.416	60.635.322
Tổng cộng	33.277.416	60.635.322

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.718.534.241	-
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.718.534.241	-
Tổng cộng	1.718.534.241	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	18.940.639.098	5.150.899.065
Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí Công đoàn	1.126.314.000	313.687.200
Chi phí thuê văn phòng	4.454.466.235	888.335.931
Thuế, phí lệ phí	24.199.469	13.033.084
Chi phí văn phòng phẩm	276.302.355	4.957.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	515.666.988	339.294.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.152.591.094	1.057.566.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.772.058	2.016.274.454
Chi phí truyền thông	2.242.685.446	152.083.376
Chi phí kiểm toán	280.000.000	304.000.000
Chi phí khác	660.385.746	277.470.172
Tổng cộng	32.473.022.489	10.517.602.367

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	2.706.392	10.248
Tổng cộng	2.706.392	10.248
Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ	-	-
Chi phí khác	28.903	-
Tổng cộng	28.903	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

31.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần trước thuế	(22.170.595.419)	2.505.542.928
Điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	976.094.582	(688.724.658)
Điều chỉnh tăng:	484.059.873	3.500.000
Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	484.059.873	-
Chi phí không được khấu trừ	-	3.500.000
Điều chỉnh giảm:	(492.034.709)	692.224.658
Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(492.034.709)	692.224.658
Lỗi lũy kế các năm trước chuyển sang	-	(1.813.318.270)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(21.194.500.837)	1.813.318.270
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành		
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm		
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 40.896.950.035 VND (31 tháng 12 năm 2023: 19.759.223.183 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm Phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
			lỗ đến ngày 31/12/2024	
2021	2026	26.100.693.740	-	26.100.693.740
2022	2027	-	(4.528.152.287)	21.572.541.453
2023	2028	-	(1.813.318.270)	19.759.223.183
2024	2029	21.194.500.837	(56.773.985)	40.896.950.035

(*) Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 40.896.950.035 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	56.773.985	-
Số dư cuối kỳ	56.773.985	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ)/lãi thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(22.170.595.419)	2.505.542.928
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	55.859.998	55.859.998
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(397)	45

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dịch vụ và Phân phối Finhay Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty TNHH Dịch vụ và Phân phối Finhay Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Đơn vị tính: VND
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm	
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	Chi phí thuê phần mềm trả trước	31.284.000.000	-	30.336.000.000	(948.000.000)
	Mua bán trái phiếu trong năm	-	-	(86.669.610.000)	(86.669.610.000)
	Doanh thu mua bán Chứng chỉ tiền gửi	-	30.784.109.580	-	784.109.580
	Phải thu dịch vụ môi giới chứng khoán	1.792.559	178.074.106	1.435.829	178.074.106
	Phải thu phí lưu ký	1.303.317	4.258.306	1.404.862	4.258.306
Thành viên Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan	Thù lao chi trả cho Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát				4.362.493.400

Thù lao của HĐQT và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức danh	Năm nay	Đơn vị tính: VND
Nghiêm Xuân Huy	Chủ tịch Thành viên HĐQT	-	-
Ngô Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Quang Ngọc	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Vũ Phi Long	Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000	24.900.000
Nguyễn Phương Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát	11.000.000	-
Nguyễn Xuân Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	13.000.000	20.800.000
Na SungSoo	Tổng Giám đốc	3.159.300.000	2.004.323.159
Vũ Thanh Vân	Ban Điều hành	1.083.193.400	209.630.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê phần mềm VNSC by Finhay theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	4.566.688.110	929.053.416
Tổng cộng	4.566.688.110	929.053.416

33.3 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phải sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với giá cổ phiếu vì rủi ro do thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty tại ngày lập báo cáo là không, do Công ty không nắm giữ cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tại ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
- 33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng	Số dư		Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
		đã dự phòng	không bị suy giảm	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày > 360 ngày
Số đầu năm	62.892.816.295	-	62.892.816.295	-	-	-
Số cuối năm	105.834.818.593	-	105.834.818.593	-	-	-

Đơn vị tính: VND

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
- 33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024					Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN					Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	19.310.235.795	6.000.000.000	-	25.310.235.795
Tài sản tài chính	-	-	254.347.839.809	-	254.347.839.809
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	148.513.021.216	-	148.513.021.216
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	-	105.834.818.593	-	105.834.818.593
Tài sản khác	-	415.445.640	3.725.881.579	1.211.369.696	45.863.722.457
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	37.700.000	23.300.000	1.038.890.950	1.099.890.950
Phải thu khác	-	-	49.151.037	-	49.151.037
Tài sản khác	-	377.745.640	3.653.430.542	172.478.746	34.539.654.928
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	10.175.025.542
Tổng cộng	-	19.725.681.435	264.073.721.388	1.211.369.696	325.521.798.061
NỢ PHẢI TRẢ					
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	49.000.000.000	-	49.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	213.282.618	-	213.282.618
Chi phí phải trả	-	-	4.034.753.643	-	4.034.753.643
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	861.876.003	-	-	861.876.003
Phải trả, phải nộp khác	-	-	89.460.625	-	89.460.625
Tổng cộng	-	861.876.003	53.337.496.886	-	54.199.372.889
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	18.863.805.432	210.736.224.502	1.211.369.696	271.322.425.172

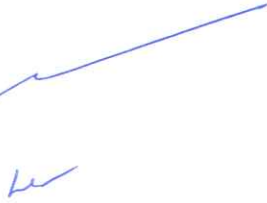
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Bà Phan Thị Kim Chi
Người lập


Bà Trần Thị Lan Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nghiêm Xuân Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

Hanoi Office:

Phòng 702, tầng 7, toà nhà Capital Building,
số 58 phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Infor:

Hotline: 024 777 789 96
Email: hello@vnsc.vn